

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Mai Thùy Linh**
Giảng viên hướng dẫn: **Th.S Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẠN TÀI HP**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Mai Thùy Linh

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Mai Thùy Linh Mã SV: 110067
Lớp : QT1104K Ngành: Kế toán - Kiểm toán
Tên đề tài : Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại Vận tải
HP

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển và hội nhập nhiều doanh nghiệp trên cùng một địa bàn cùng kinh doanh những sản phẩm giống nhau nên sự cạnh tranh lẫn nhau ngày càng trở nên khó khăn hơn. Bởi vậy, các doanh nghiệp cần tạo cho mình lợi thế cạnh tranh để tồn tại và phát triển, đó là sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước với nhau và sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài.

Vậy dựa vào đâu để có thể biết được một doanh nghiệp là đang phát triển, có khả năng phát triển hoặc đứng trước nguy cơ phá sản - chính là thông qua các con số về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Những thông tin này chỉ có kế toán mới thu thập, tổng hợp và cung cấp được, thông qua hệ thống báo cáo tài chính do kế toán cung cấp, ta có thể biết được tình hình tài chính của doanh nghiệp như thế nào. Đồng thời, đó cũng là cơ sở để cơ quan thuế, các đối tác làm ăn và các tổ chức tài chính xem xét làm việc và hợp tác.

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ như thế nào, chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản trị đưa ra đối sách phù hợp.

Vì vậy, để kế toán đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phát huy hết vai trò chức năng của nó, cần phải biết tổ chức công tác này một cách hợp lý, khoa học và thường xuyên.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại đơn vị thực tập, em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán như thế nào và tầm quan trọng của nó. Từ kiến thức em đã được học và thực tế tìm hiểu, em quyết định chọn đề tài: “Hoàn thiện

công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM Vận tải HP” cho bài khoá luận của mình.

Nội dung của khoá luận được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại vận tải HP

Mặc dù, được sự hướng dẫn tận tình của GV Th.S Trần Thị Thanh Thảo và các anh chị trong phòng kế toán tại Công ty đã giúp em hoàn thành bài luận của mình, song do khả năng còn hạn chế và kinh nghiệm thực tế còn ít ỏi, báo cáo của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi sai sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự phê bình đóng góp ý kiến của các thầy, cô để bài luận của em được hoàn thiện hơn.

Sinh viên

Mai Thùy Linh

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1 Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí hay xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau, trong đó kế toán là công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết vai trò của mình, đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc hết sức cần thiết, giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

- Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các doanh nghiệp:

- + Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp
- + Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh
- + Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh
- + Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

- Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

có ý nghĩa quan trọng đối với nhà nước:

+ Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị-an ninh-xã hội tốt nhất.

+ Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính trị quốc gia sẽ có cơ sở đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

+ Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

- Đối với nhà đầu tư: thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

- Đối với các tổ chức tài chính trung gian: Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

- Đối với nhà cung cấp: Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán...

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Từ kết quả hoạt động kinh doanh ta có thể đưa ra những chiến lược sản xuất những phương hướng phát triển cho doanh nghiệp làm sao để nâng cao được doanh thu cho doanh nghiệp giảm chi phí đến mức thấp nhất.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.
- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí hợp lý.
- Tính toán phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.
- Ghi chép, theo dõi phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để gia tăng lợi nhuận.

1.1.4. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.4.1. Doanh thu và các loại doanh thu

- **Doanh thu:** là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- **Doanh thu tài chính:** Là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

- **Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:**

+ Chiết khấu thương mại: Là số tiền bên mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận

+ Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất

+ Hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm hàng hóa bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng

Ngoài ra các khoản giảm trừ doanh thu còn bao gồm:

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB

+ Thuế XK là thuế tính trên doanh thu của các sản phẩm bán ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

+ Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ

1.1.4.2. Chi phí và các loại chi phí

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định

- **Giá vốn hàng bán:** Là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hóa (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ (đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

- **Chi phí tài chính:** Là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính

- **Chi phí khác:** Là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

1.1.4.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo từng kỳ kế toán. Kỳ kế toán để xác định lợi nhuận thường là một tháng, một quý hoặc một năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của các ngành SXKD chính và SXKD phụ.

❖ Kết quả hoạt động tài chính là: hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

❖ Kết quả hoạt động khác của doanh nghiệp là: hoạt động xảy ra ngoài dự

kiến của doanh nghiệp

1.1.5. Bán hàng và các phương pháp bán hàng trong doanh nghiệp

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng theo một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cho thuê TSCCĐ theo phương thức thuê hoạt động

➤ Các phương thức bán hàng

✚ Phương thức bán hàng trực tiếp

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

✚ Phương thức chuyển hàng chờ nhận

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

✚ Phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng.

- Đối với bên giao đại lý: Doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đại lý sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho doanh nghiệp và nhận tiền hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý. Khoản hoa hồng được coi như khoản chi phí và được hạch toán vào TK 641.

- Đối với bên nhận đại lý: Với số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản và bán hộ và

được hưởng tiền hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

✚ Phương thức trả góp, trả chậm

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ.

✚ Phương thức hàng đổi hàng không tương tự.

Khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

✚ Phương thức bán hàng nội bộ

Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ giữa các đơn vị cấp trên với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong một công ty, tổng công ty...

1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

✚ Điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- + DN đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

✚ Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu VAT và doanh nghiệp nộp VAT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có VAT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế VAT hoặc nộp VAT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế).

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán đã bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK).

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

Tùy theo phương thức, hình thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 - GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 - GTTT)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...)
- Chứng từ liên quan khác: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại...

❖ *Sổ sách kế toán sử dụng*

- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (mẫu 14 - BH)
- Báo cáo bán hàng
- Sổ cái TK 511, TK 512

❖ *Tài khoản sử dụng*

Phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng các tài khoản sau:

* **Tài khoản 511** - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 6 tài khoản cấp 2

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

-TK5118-Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511

✓ Bên nợ

- + Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- + Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
- + Khoản giảm giá hàng bán bị kết chuyển cuối kỳ
- + Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

+ Số thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

- + Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh

✓ Bên Có:

- + Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp

thực hiện trong kỳ kế toán

✓ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

✚ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Tài khoản sử dụng: TK 512 - Doanh thu nội bộ.

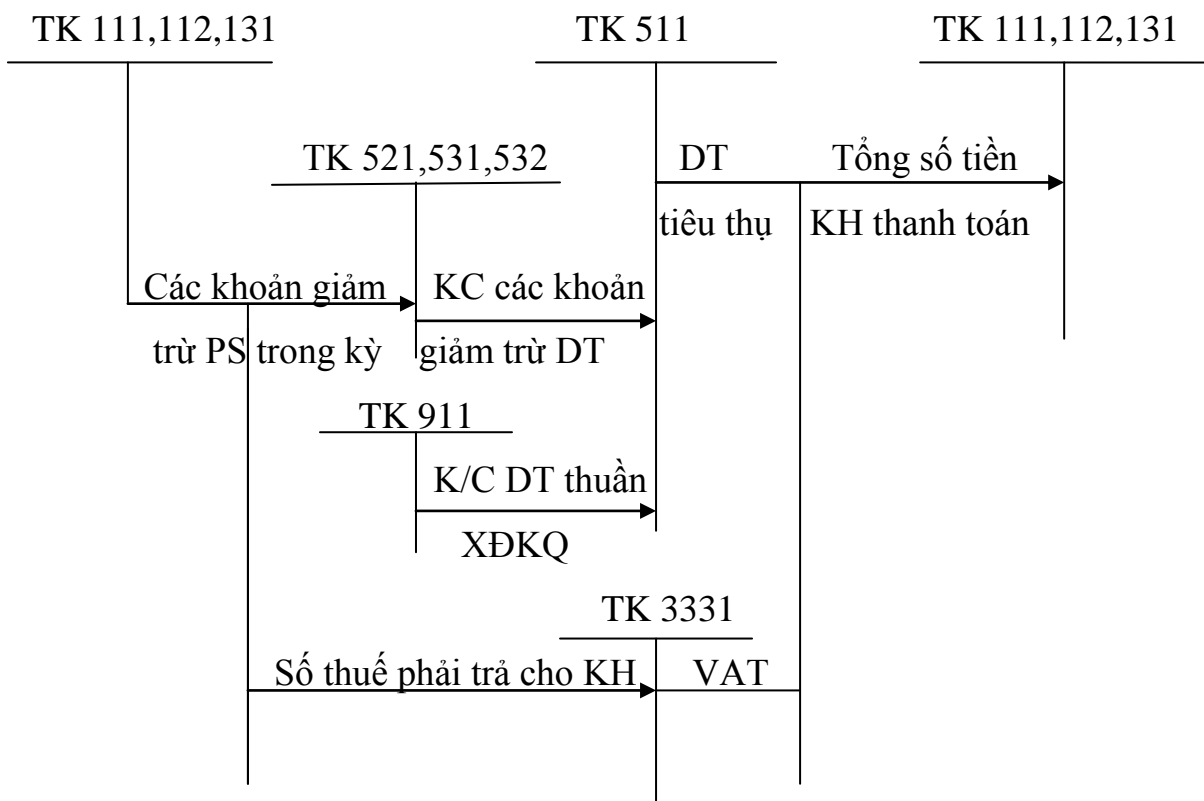
Tài khoản Doanh thu nội bộ gồm 3 tiểu khoản:

TK 5121 - Doanh thu bán hàng hoá

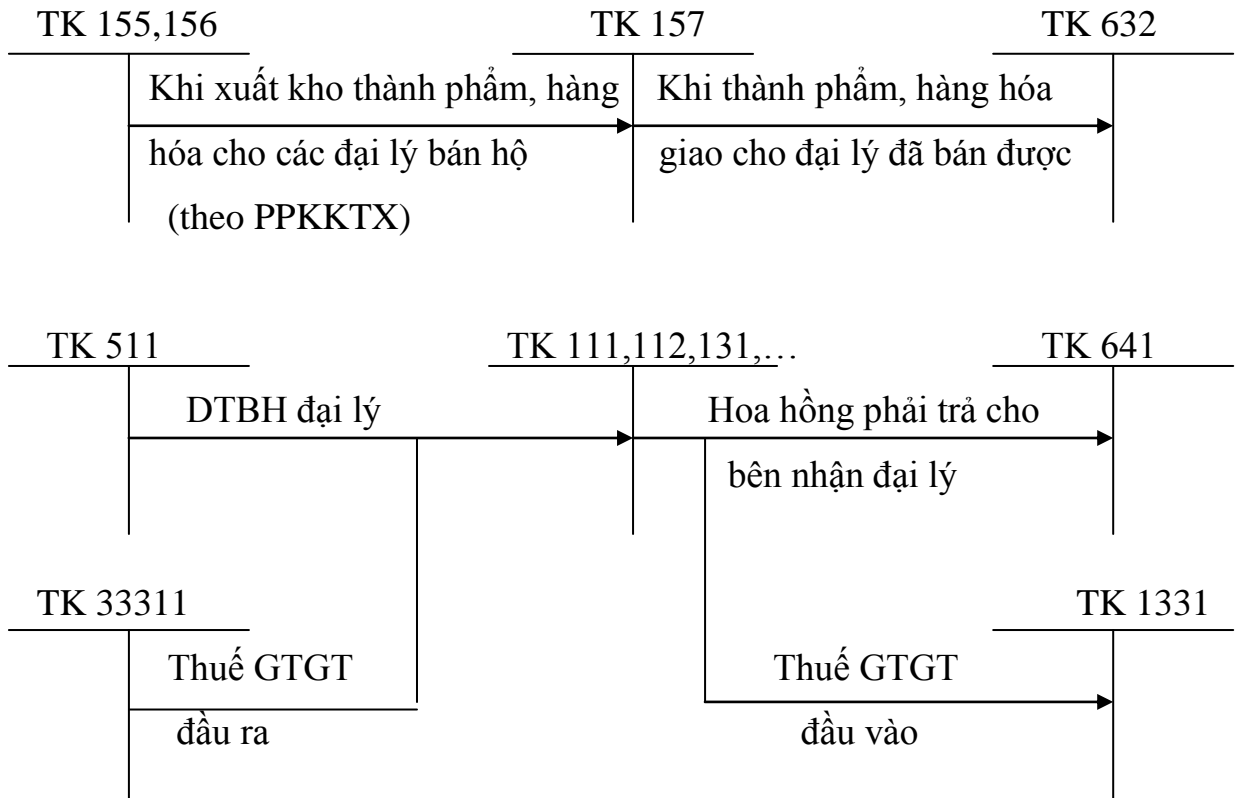
TK 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm.

TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

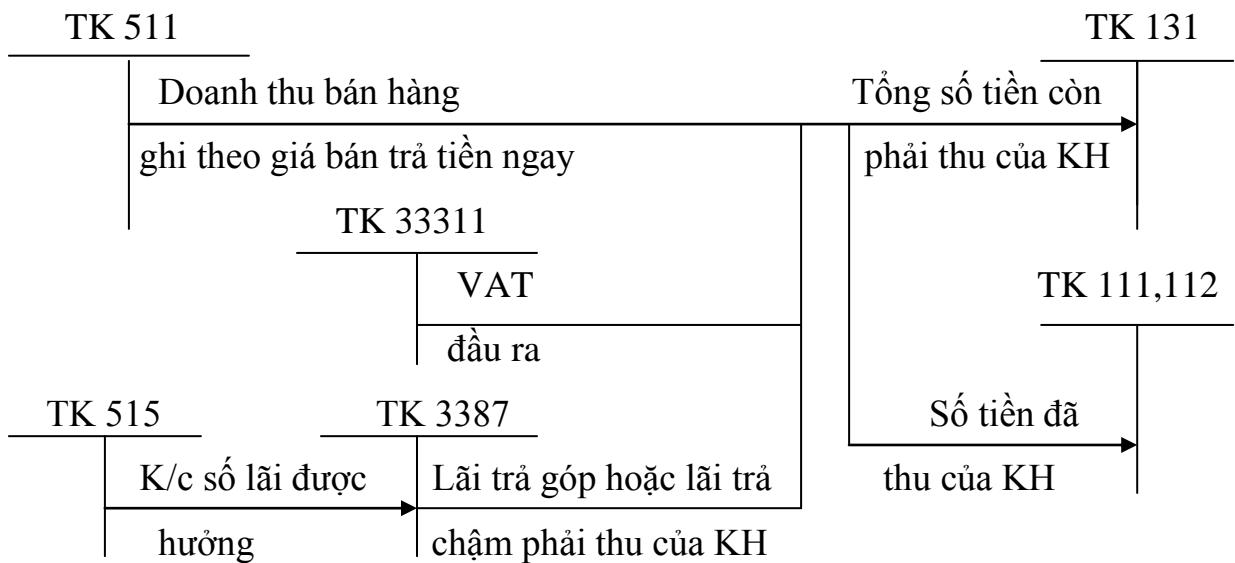
Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp



Sơ đồ 1.2. Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng



Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm



1.2.1.2. *Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu*

Các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế TTDB, thuế XK được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu, để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

+ Chiết khấu thương mại: Là khoản giảm trừ cho người mua do người mua, mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận

Tài khoản sử dụng: TK 521 - Chiết khấu thương mại

+ Giảm giá hàng bán- Là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân đặc biệt thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, hàng không đúng quy cách, hàng xấu, hàng giao không đúng hẹn...

Tài khoản sử dụng: TK 532 - Giảm giá hàng bán

+ Hàng bán bị trả lại:- Là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại và từ chối do các nguyên nhân thuộc về người bán.

Tài khoản sử dụng: TK 531 - Hàng bán bị trả lại

❖ Các khoản thuế làm giảm doanh thu

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ

Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của hàng hoá, dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT (\%)}$$

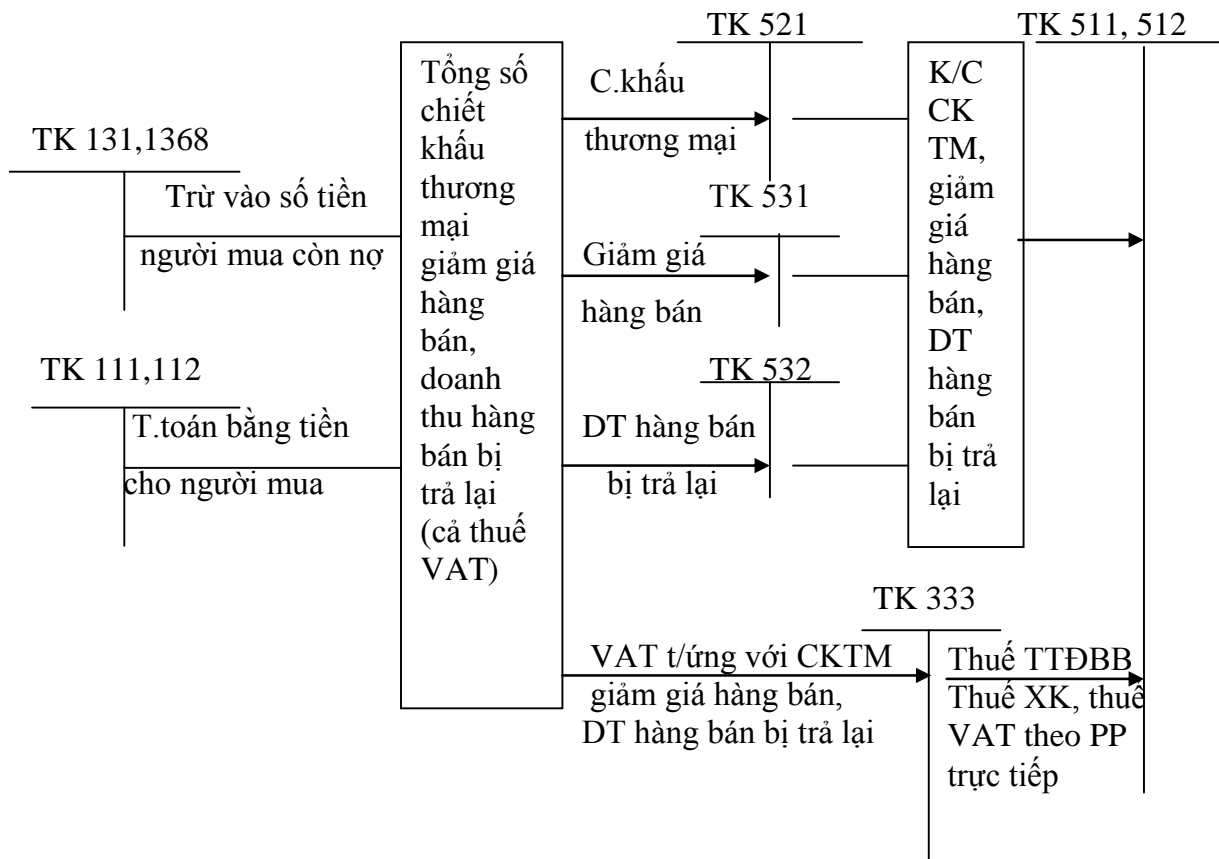
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Cách tính: *Thuế TTDB phải nộp = Giá tính thuế TTDB x Thuế suất.*

- Thuế xuất khẩu: là thuế tính trên doanh thu của các sản phẩm bán ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

$$\text{Thuế xuất khẩu} = \text{Trị giá tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế xuất khẩu}$$

Sơ đồ 1.4: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Để tính giá vốn từng mặt hàng xuất kho, doanh nghiệp sử dụng một trong các phương pháp sau:

➤ Phương pháp Nhập trước - Xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này, kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ

➤ Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO):

Theo phương pháp này, kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá trị thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

➤ Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải quản lý vật tư hàng hóa theo từng lô hàng. Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá thực tế của lô hàng đó.

➤ Phương pháp bình quân gia quyền: theo phương pháp này trị giá hàng xuất kho được xác định bằng: Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

- Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- Nếu đơn giá bình quân được tính cho từng lần nhập được gọi là phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập thứ}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập thứ}_i}$$

❖ . Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 - VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 - VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 - VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT - 3LL)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02 GTTT - 3LL)

❖ Tài khoản sử dụng: TK 632 - Giá vốn hàng bán.

Kết cấu tài khoản 632

✓ Bên Nợ:

- + Trị giá vốn thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ
- + Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- + Chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư

✓ Bên Có:

- + Hoàn lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính
- + Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã bán sang bên nợ TK 911

✓ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

*** Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**

Phương pháp KKTX là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập - xuất.

Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ tiếp vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong bốn phương pháp tính trị giá vốn của hàng xuất kho đã được trình bày ở phần trên.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Sơ đồ hạch toán giá vốn theo phương pháp KKTX được thể hiện sơ đồ 1.5

*** Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)**

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, và tồn kho của thành phẩm hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho TK152,153,155... Các TK này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ.

Phương pháp KKĐK phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, Mua hàng, xác định trị giá vốn của hàng hóa xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho, mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính theo công thức:

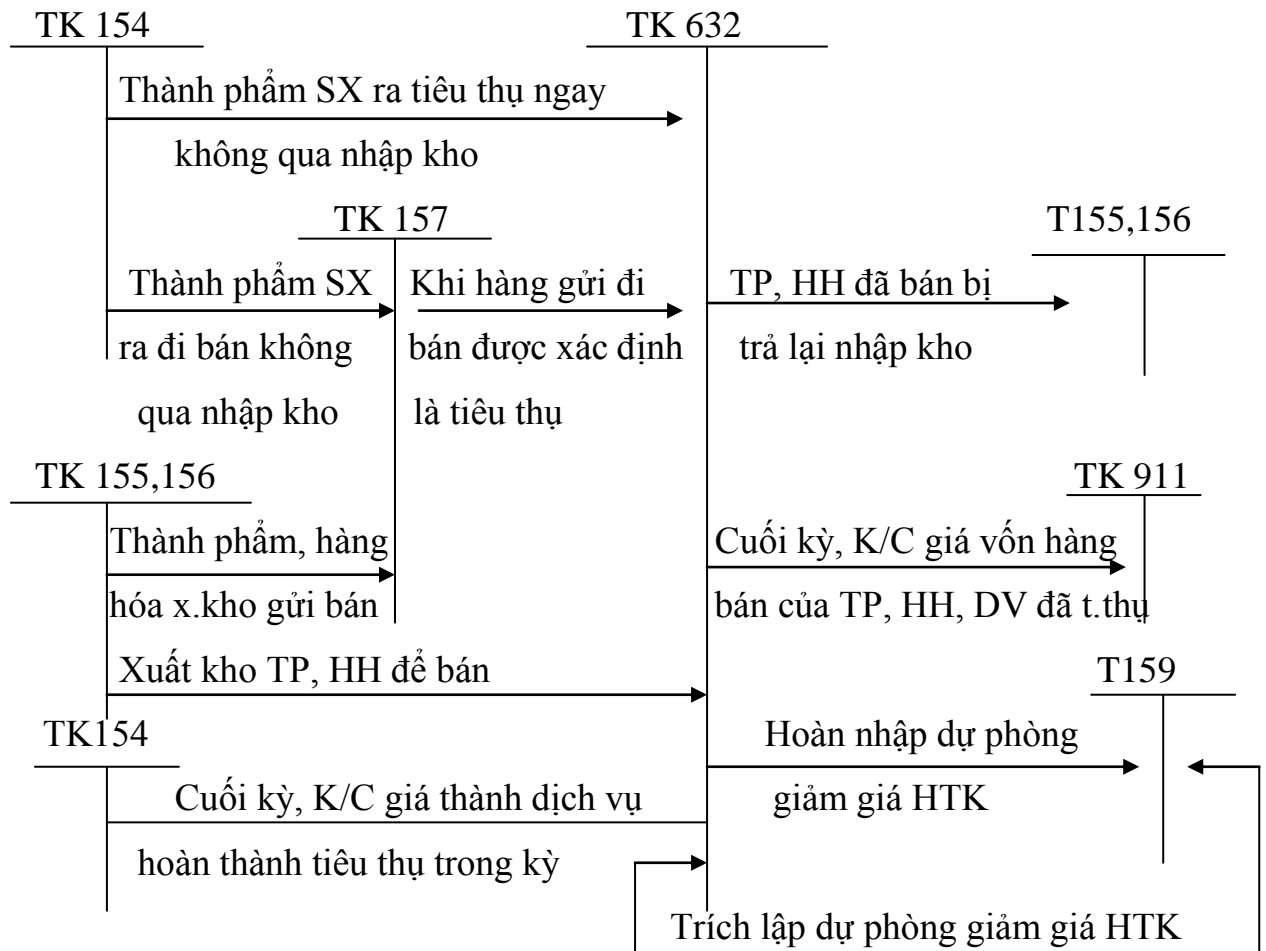
$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} \\
 \text{xuất kho} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập đầu kỳ} & - & \text{tồn cuối kỳ}
 \end{array}$$

Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho đã chọn để xác định giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

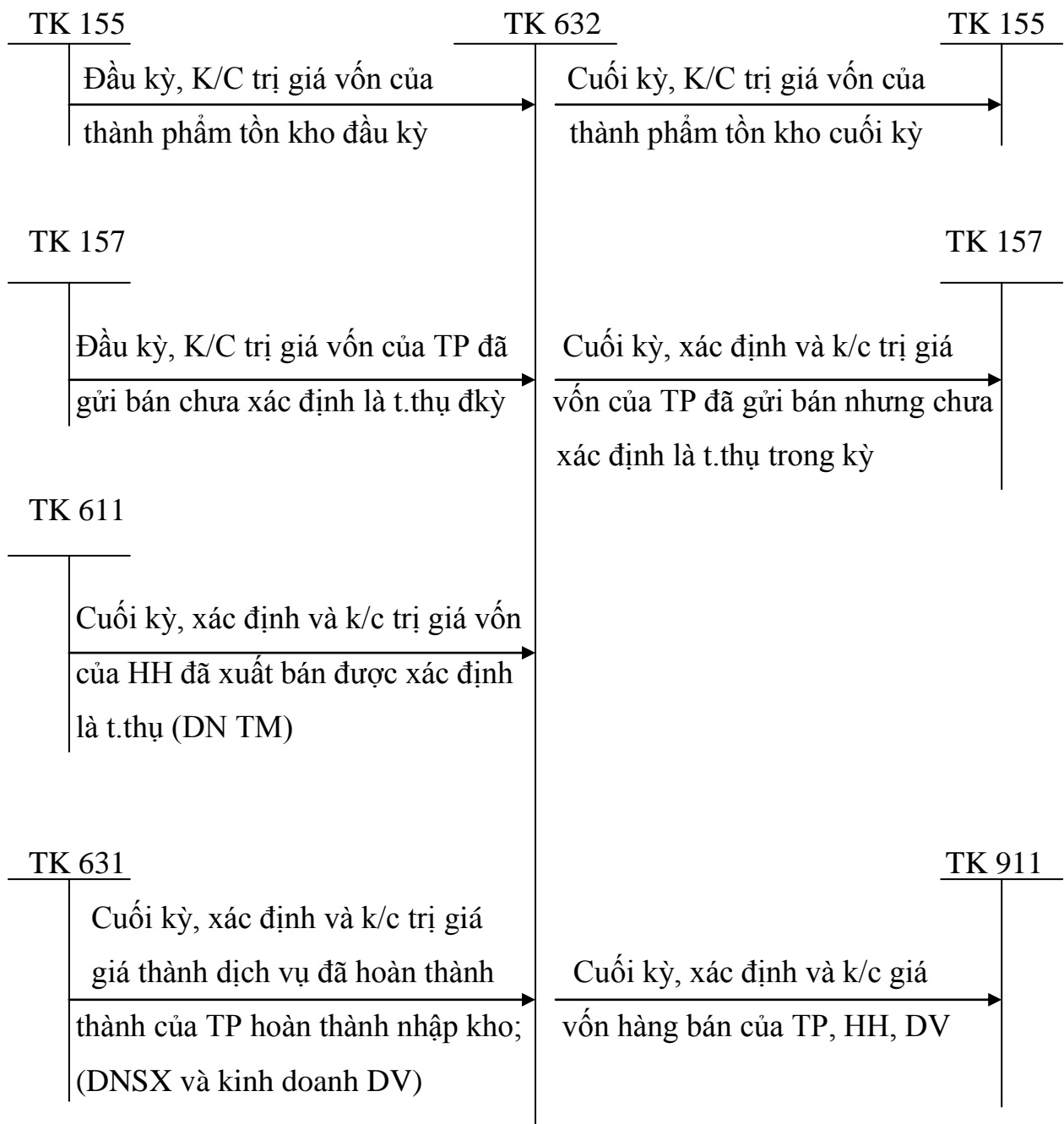
$$\begin{array}{l}
 \text{Trị giá} \\
 \text{vốn của} \\
 \text{hàng} \\
 \text{bán} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Trị giá} \\
 \text{thực tế} \\
 \text{của HH} \\
 \text{tồn kho} \\
 \text{đầu kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Trị giá vốn} \\
 \text{của HH gửi} \\
 \text{bán chưa xác} \\
 \text{định tiêu thụ} \\
 \text{đầu kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Trị giá} \\
 \text{thực tế} \\
 \text{của HH} \\
 \text{nhập kho} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Trị giá} \\
 \text{vốn thực} \\
 \text{tế của HH} \\
 \text{tồn kho} \\
 \text{cuối kỳ}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Trị giá vốn thực} \\
 \text{tế của HH gửi} \\
 \text{bán chưa xác} \\
 \text{định là tiêu} \\
 \text{thụ cuối kỳ}
 \end{array}$$

Sơ đồ hạch toán giá vốn theo phương pháp KKĐK được thể hiện sơ đồ 1.6

Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX



Sơ đồ 1.6: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng & chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản như sau:

- Chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm

- Chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển hàng hóa
- Chi phí nhân viên bán hàng
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác bán hàng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài...

❖ *Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 - TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT - 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

❖ *Sổ sách kế toán sử dụng*

- Sổ chi tiết tài khoản 641
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 641

❖ *Tài khoản kế toán sử dụng*

Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

TK 6411: Chi phí nhân viên

TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì

TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng

TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6415: Chi phí bảo hành

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản như sau:

- Lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp...) bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp,

- Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động,

- Khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp

- Tiền thuê đất, thuê môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi

- Dịch vụ mua ngoài

- Chi phí bằng tiền khác...

❖ *.Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 - LĐTL)

- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 - TSCĐ)

- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKL - 3LL)

- Hoá đơn thông thường (Mẫu số 02 GTGT - 3LL)

- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

❖ *Sổ sách kế toán sử dụng:*

- Sổ chi tiết tài khoản 642

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái tài khoản 642

❖ *Tài khoản kế toán sử dụng:*

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425: Thuế, phí và lệ phí

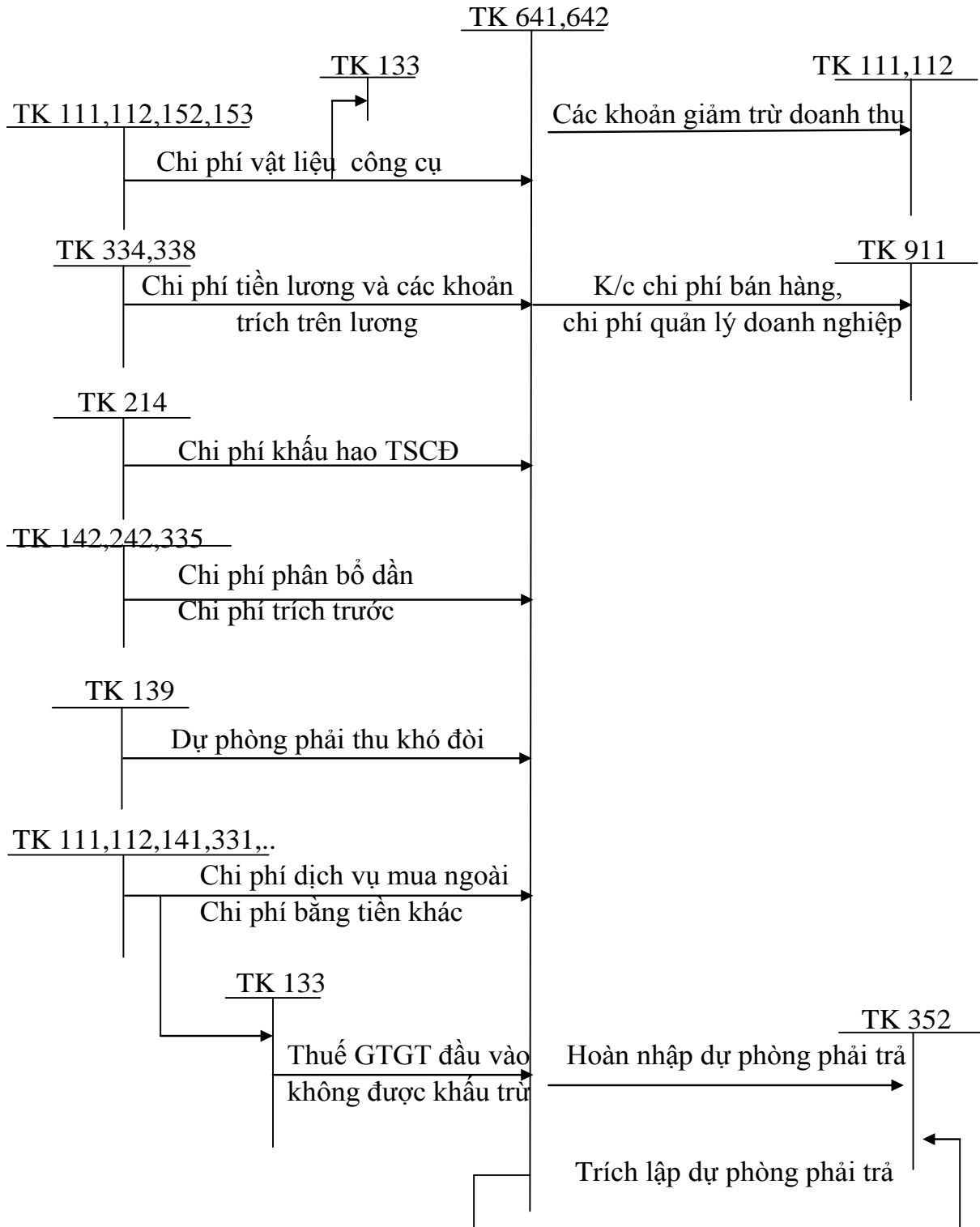
TK 6426: Chi phí dự phòng

TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

❖ Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đưa lại, bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi, hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyên nhượng vốn
- Chênh lệch lãi các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

❖ Tài khoản sử dụng: TK 515: “Doanh thu hoạt động tài chính”

❖ Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính được thể hiện qua **sơ đồ 1.8**

1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

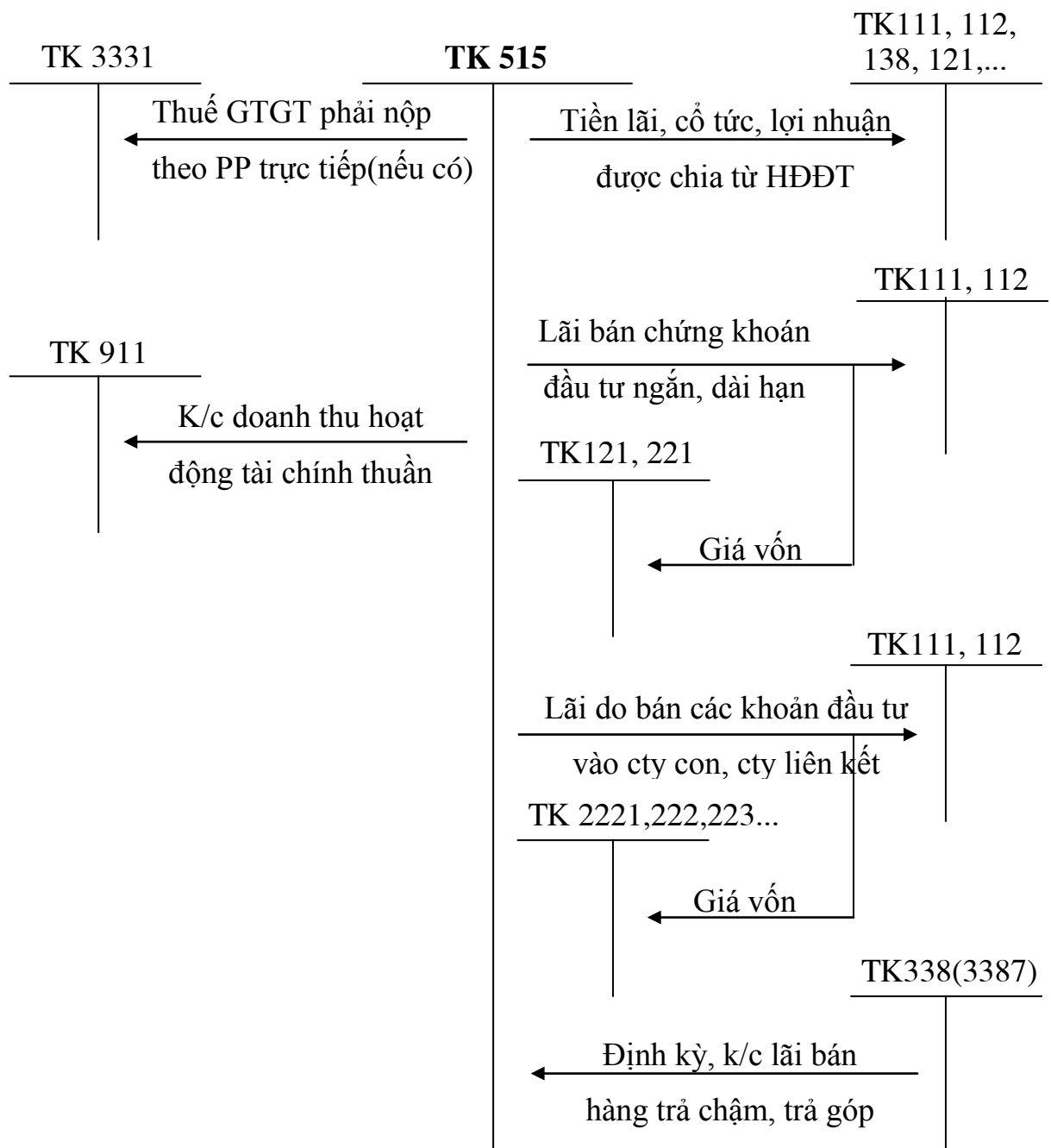
Chi phí tài chính là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm những nội dung sau:

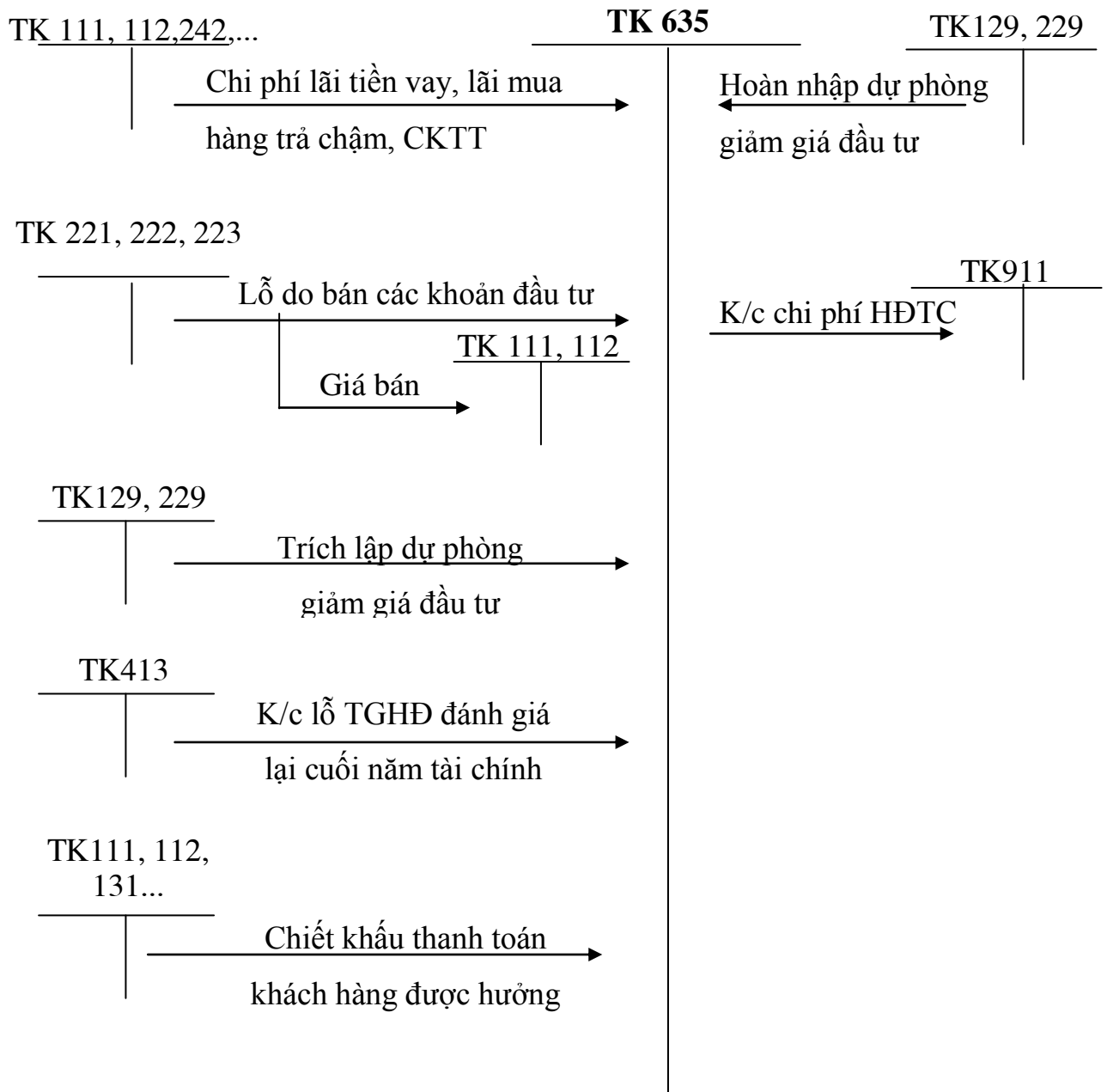
- Chi phí lãi vay phải trả, lãi mua hàng theo hình thức trả góp
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lỗ từ nhượng bán chứng khoán

- Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái...
- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu chi
 - Giấy báo nợ
 - Các chứng từ khác liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng: TK 635: “Chi phí hoạt động tài chính”

Sơ đồ 1.8: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.2.5. Kế toán thu nhập, chi phí khác

1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay đòi được
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra,...

❖ Chứng từ sử dụng

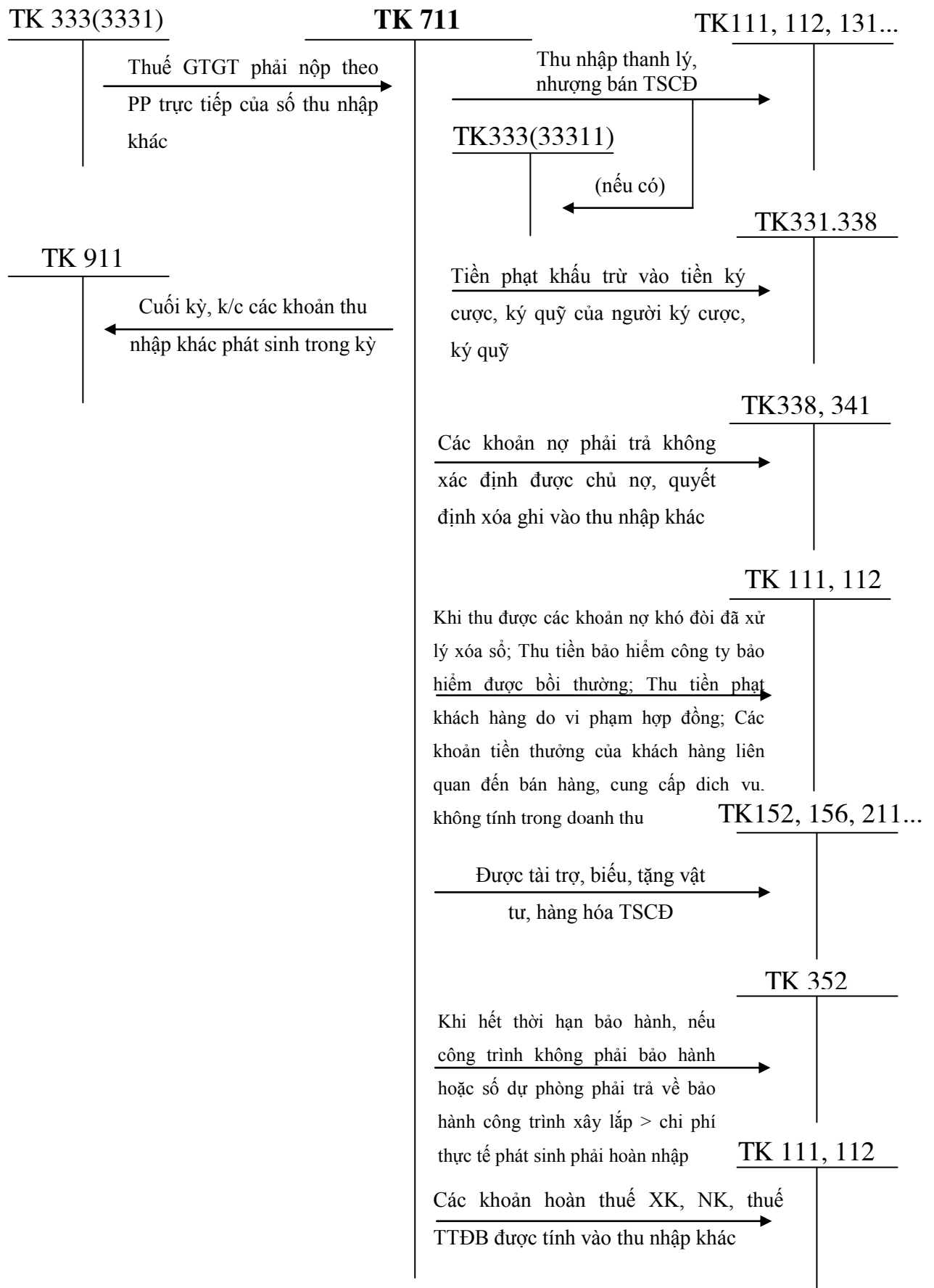
Phiếu thu, phiếu kế toán, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

❖ Tài khoản sử dụng

TK 711 "Thu nhập khác"

❖ Phương pháp hạch toán thu nhập khác được thể hiện qua **sơ đồ 1.10**

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác



1.2.5.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

Chi phí khác phát sinh, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;

- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán;

- Các khoản chi phí khác.

❖ Chứng từ sử dụng

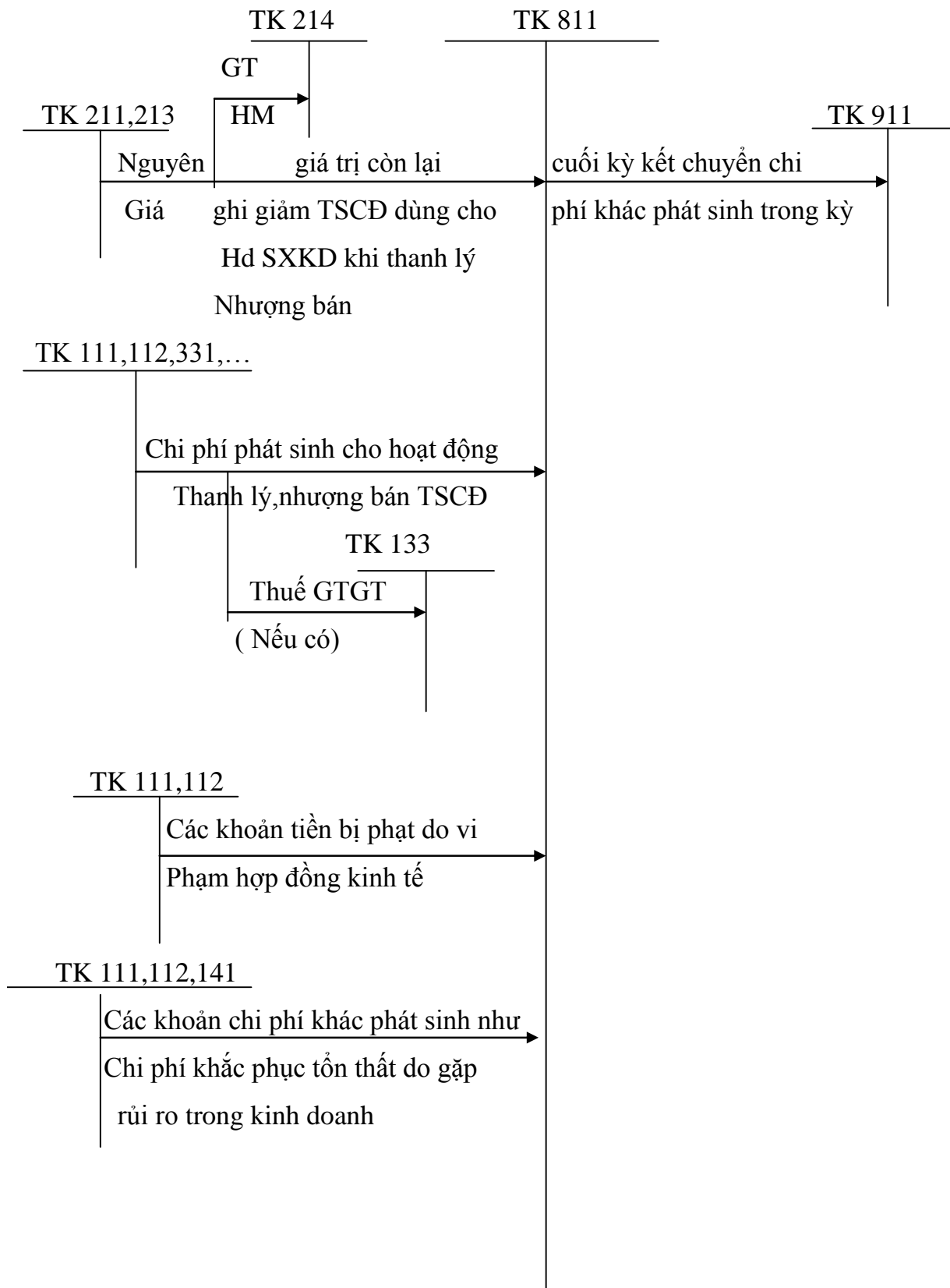
Phiếu chi, phiếu kế toán, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

❖ Tài khoản sử dụng

Tài khoản kế toán sử dụng: TK 811- "Chi phí khác

❖ Phương pháp hạch toán chi phí khác được thể hiện qua **sơ đồ 1.11**

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh

➤ Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Cách tính một số chỉ tiêu lợi nhuận như sau:

$$\begin{array}{cccccc} \text{Doanh thu thuần} & = & \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} & - & \text{Chiết khấu thương mại} & - & \text{Giảm giá hàng bán} & - & \text{Hàng bán bị trả lại} & - & \text{Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu (Nếu có)} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} \\ \text{thuần} \end{array} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí hoạt động bán hàng} \\ \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp} \end{array}$$

➤ Kết quả từ thu nhập hoạt động tài chính

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập hoạt động tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí hoạt động tài chính} \end{array}$$

➤ Kết quả từ thu nhập hoạt động khác

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập từ hoạt động khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí cho hoạt động khác} \end{array}$$

1.2.6.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng: TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

❖ **Kết cấu tài khoản 911**

✓ Bên nợ:

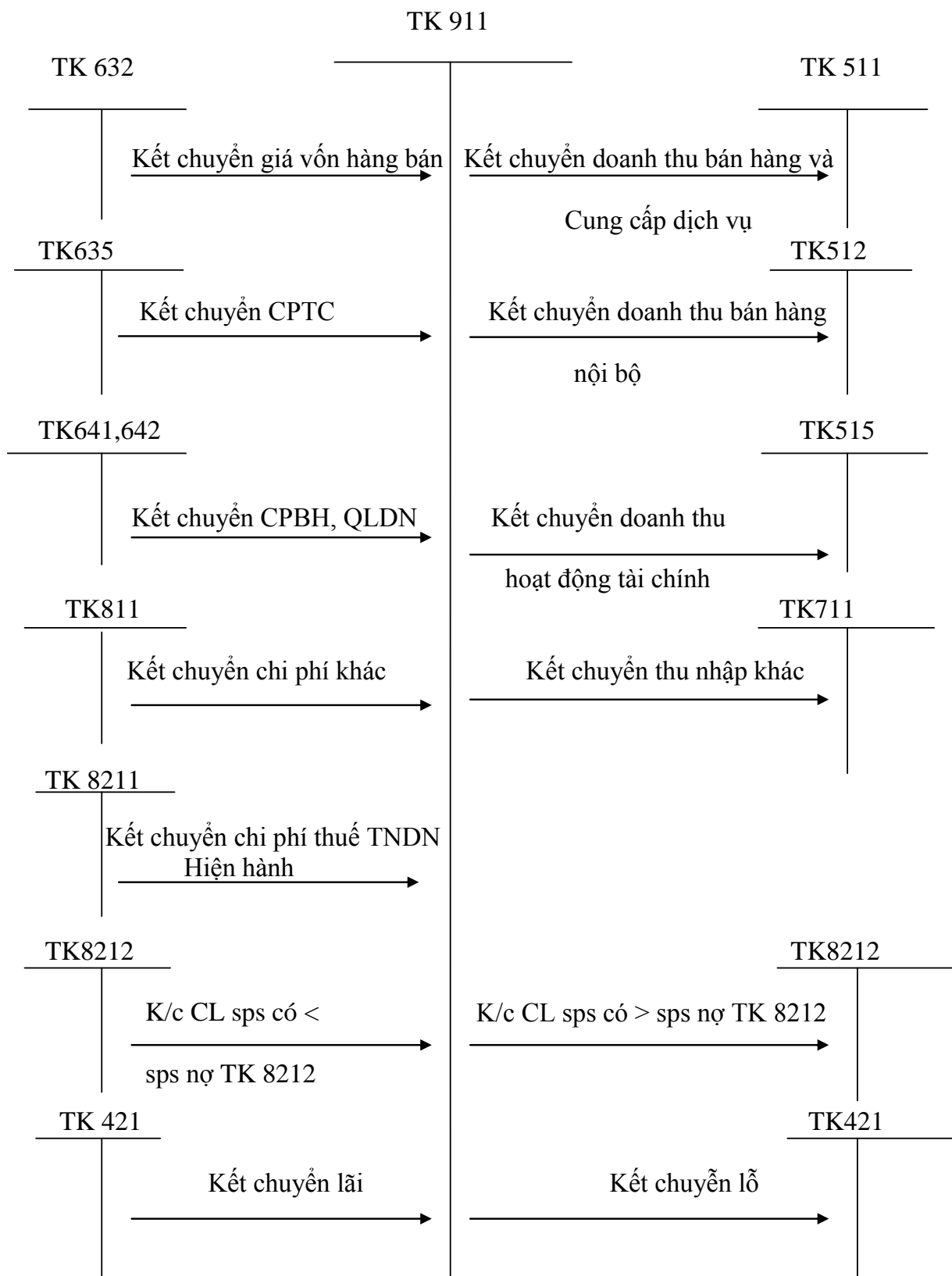
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính, chi phí khác
- Chi phí thuế TNDN.
- Kết chuyển lãi.

✓ Bên có:

- Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- Doanh thu nội bộ
- Doanh thu hoạt động tài chính.
- Thu nhập khác.
- Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.
- Kết chuyển lỗ.

✓ Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Sổ kế toán tổng hợp: Tùy theo từng hình thức kế toán mà doanh nghiệp áp dụng, kế toán sẽ tổ chức hệ thống sổ kế toán tương ứng với từng hình thức để thực hiện kế toán các chỉ tiêu tổng hợp về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh. Nhưng ở hình thức nào cũng có chung hình thức sổ cái tổng hợp, mỗi tài khoản kế toán tổng hợp được mở một sổ cái và nó đều phản ánh một chỉ tiêu về chi phí sản xuất sản phẩm. Nó cung cấp các chỉ tiêu thông tin để lập báo cáo tài chính. Cụ thể:

- Theo hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”, thì sổ kế toán tổng hợp bao gồm sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 511, TK632, TK 641, TK642, TK 154.

- Theo hình thức kế toán “Nhật ký chứng từ”, hệ thống sổ kế toán tập hợp là các nhật ký chứng từ, sổ cái TK 511, TK632, TK 641, TK642, TK 154, các bảng kê và bảng phân bổ.

- Theo hình thức kế toán “nhật ký chung”, hệ thống sổ kế toán tổng hợp bao gồm: sổ nhật ký chung, các sổ nhật ký chuyên dùng, sổ cái TK 511, TK632, TK 641, TK642, TK 154.

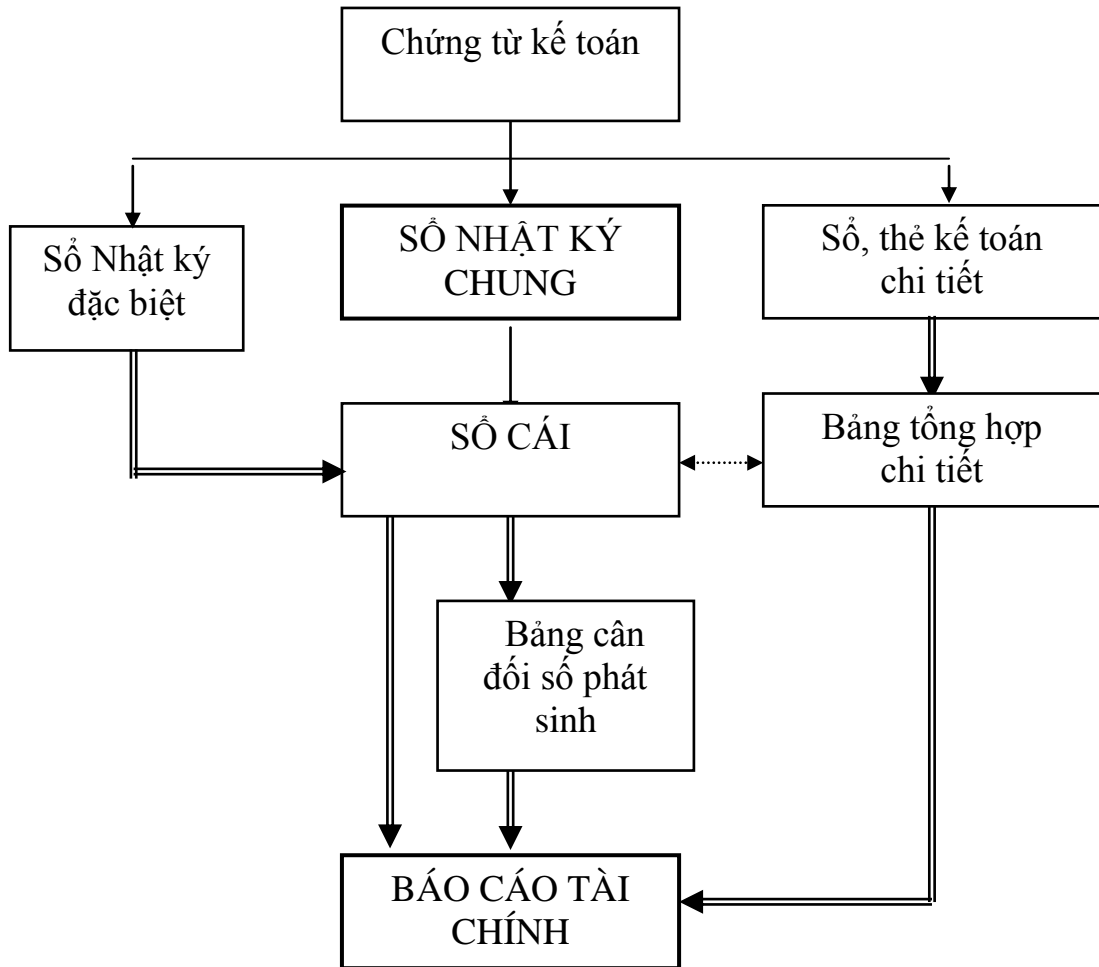
Sổ kế toán chi tiết: Tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh mà kế toán sẽ mở các sổ chi tiết để kế toán các chỉ tiêu chi tiết về doanh thu, chi phí đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin về các doanh nghiệp.

Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính thay thế Quyết định số 1141TC/QĐ/CĐKT ngày 01-11-1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành “Chế độ kế toán doanh nghiệp”.

Do đó ta có các hình thức sổ kế toán như sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ sau



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════>
- Đối chiếu, kiểm tra <----->

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào

các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HP

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải HP

Thông tin về Công ty:

Tên công ty bằng tiếng việt: Công ty Cổ Phần thương mại vận tải HP

Địa chỉ: Số 7 lô 4 PG An Đồng - An Dương

Tỉnh / Thành phố: Hải Phòng

Loại hình: Cổ Phần

Telephone: 0313.537088 Fax : 0313.537088

Địa chỉ email: vantaihp@gmail.com

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần thương mại Vận tải HP được thành lập ngày 18/09/2005 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0203003465 của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

- Vận chuyên hàng hóa bằng đường bộ
- Kinh doanh kim khí
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa trong kho ngoại quan
- Bốc xếp hàng hóa

Vốn đăng ký: 15.000.000.000 đồng

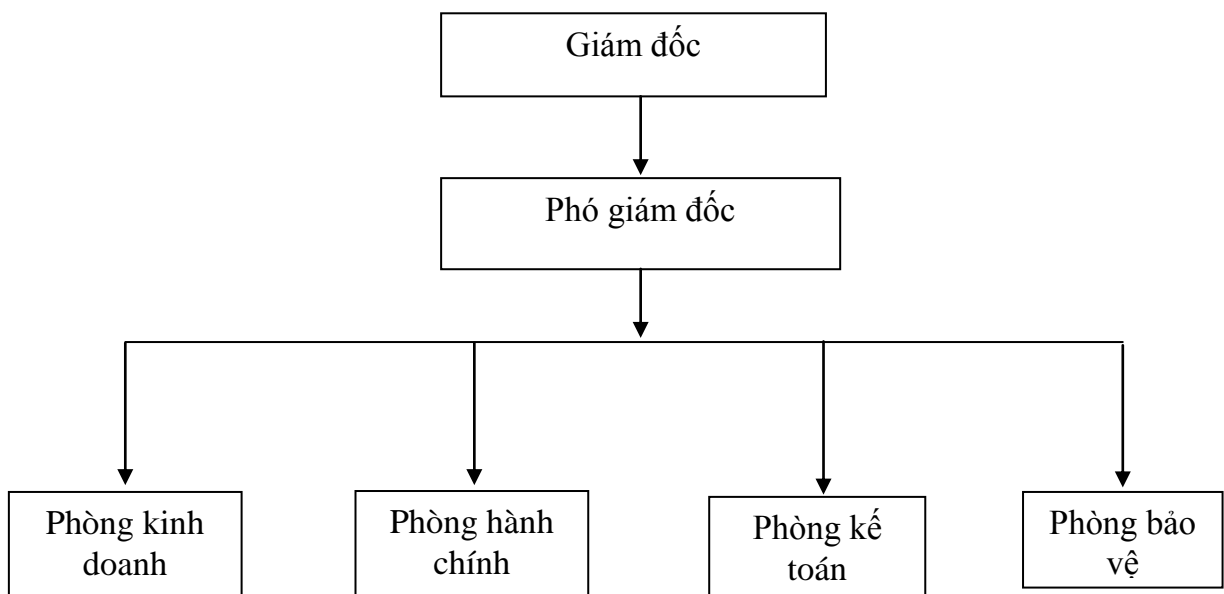
Công ty có tư cách pháp nhân và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh. Công ty được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản riêng tại Ngân hàng Techcombank và ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt. Công ty tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của nhà nước. Công ty thực hiện chức năng kinh doanh theo điều lệ pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế hiện hành.

Sau hơn 5 năm trưởng thành và phát triển, hiện nay công ty đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường và không ngừng mở rộng quy mô và lĩnh vực hoạt động. Công ty đã sử dụng và khai thác các nguồn lực về vốn, lao động, tài sản có hiệu quả. Đồng thời công ty cũng mở rộng quan hệ với các đơn vị bạn, các tổ chức kinh tế trong nước và đã tạo được lòng tin đối với khách hàng. Bên cạnh đó công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ công nhân viên, phương tiện, trang bị kỹ thuật phục vụ sản xuất và kết quả đạt được là lợi nhuận của công ty không ngừng tăng lên hàng năm, điều đó đã đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong công ty và giúp công ty phục vụ tái sản xuất. Qua đó cho thấy sự phát triển mạnh mẽ, vượt bậc của công ty trong thời gian qua và giúp công ty khẳng định được vị thế, đứng vững trên thị trường

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải HP

Mô hình bộ máy quản lý của công ty CP thương mại vận tải HP được tổ chức theo kiểu trực tuyến chức năng. Cán bộ, công nhân viên của Công ty, hầu hết đã qua các trường lớp đào tạo cơ bản, có trình độ vững vàng, có kinh nghiệm thực tế, ban giám đốc công ty có sự năng động, nhạy bén trong công tác quản lý, nắm bắt thị trường.

Biểu số 2.1: SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI HP



Chức năng nhiệm vụ các bộ phận:

***Ban giám đốc:**

- Giám đốc Công ty: là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể những người lao động về kết quả hoạt động SXKD của toàn Công ty. Điều hành hoạt động của công ty theo kế hoạch đề ra. Chịu trách nhiệm trước Nhà nước và CNVC về quản lý toàn bộ tài sản, lao động vật tư tiền vốn, bảo đảm an ninh trật tự an toàn lao động cho toàn công ty, làm tốt công tác đối nội, đối ngoại, không ngừng chăm lo đến đời sống của người lao động

- Phó giám đốc chịu trách nhiệm giúp giám đốc theo những công việc chuyên trách được phân công, làm tròn nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc về hoạt động SXKD và những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của mình. Chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng kế hoạch. Thay quyền giám đốc đi vắng khi có uỷ quyền.

***Các phòng chức năng:**

+ Phòng kinh doanh

Có chức năng tham mưu và giúp việc cho ban giám đốc công ty, tổ chức hoạt động kinh doanh chung của công ty. Là phòng trực tiếp đối ngoại tiếp xúc khách hàng, thăm dò thị trường, liên lạc, điều khiển xe để thực hiện việc vận tải hợp lý.

+ Phòng kế toán

Chịu trách nhiệm về vấn đề tài chính, kinh tế. Tham mưu cho lãnh đạo về mặt kinh tế, thống kê thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, theo dõi tình hình lao động trong toàn Công ty.

+ Phòng bảo vệ:

Giúp giám đốc trong công tác bảo vệ, tổng hợp tình hình chung của Công ty về an ninh trật tự.

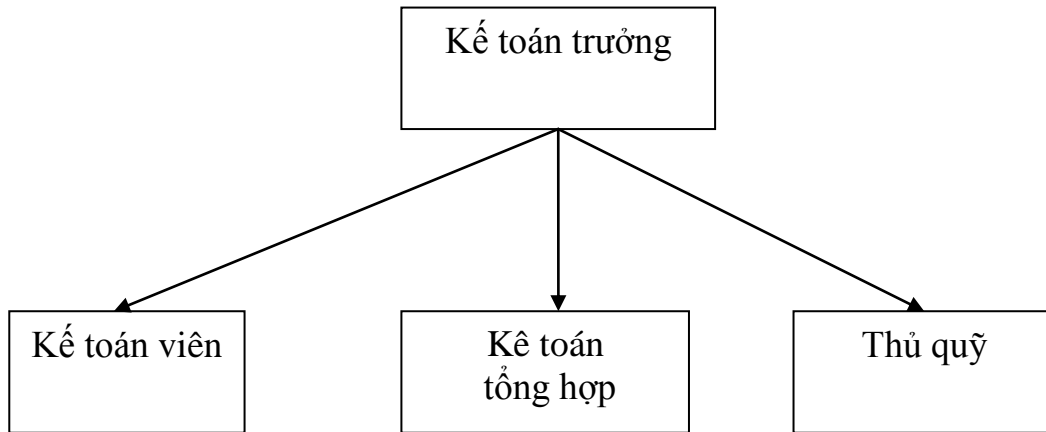
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải HP

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Do đặc điểm của mỗi công ty khác nhau lên cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của mỗi công ty là khác nhau. Và để phù hợp với hoàn cảnh của mình Công

ty đã xây dựng cho mình một bộ máy kế toán phù hợp với yêu cầu cũng như đặc thù riêng của công ty mình. Bộ máy kế toán được phản ánh qua sơ đồ sau

Sơ đồ 2.2. BỘ MÁY KẾ TOÁN



Kế toán trưởng:

Phụ trách công tác kế toán chung cho Công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó kế toán trưởng còn theo dõi các phân hành sau: các khoản công nợ phải thu phải trả, theo dõi TSCĐ, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

Kế toán tổng hợp:

Chịu trách nhiệm kiểm tra số liệu do kế toán viên ghi chép. Thu nhập xử lý ghi chép và cung cấp thông tin tổng quát về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

Kế toán viên:

Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả số liệu bán hàng, kế toán bán hàng, tiền lương, nguyên vật liệu, hàng hóa, tiền mặt để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc hoặc phó giám đốc. Theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho vật tư, hàng hóa về mặt số lượng và tiền. Xuất, nhập, bảo quản kho vật tư, hàng hóa theo quy định của công ty.

Thủ quỹ:

Xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu phiếu chi đã được phê duyệt. Quản lý, bảo quản tiền mặt. Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm. Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.

2.1.3.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản kế toán

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

2.1.3.3. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng ghi chép là: Đồng Việt Nam
- Phương pháp khấu hao: Theo phương pháp khấu hao đường thẳng
- Phương pháp tính giá xuất kho: Theo phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty

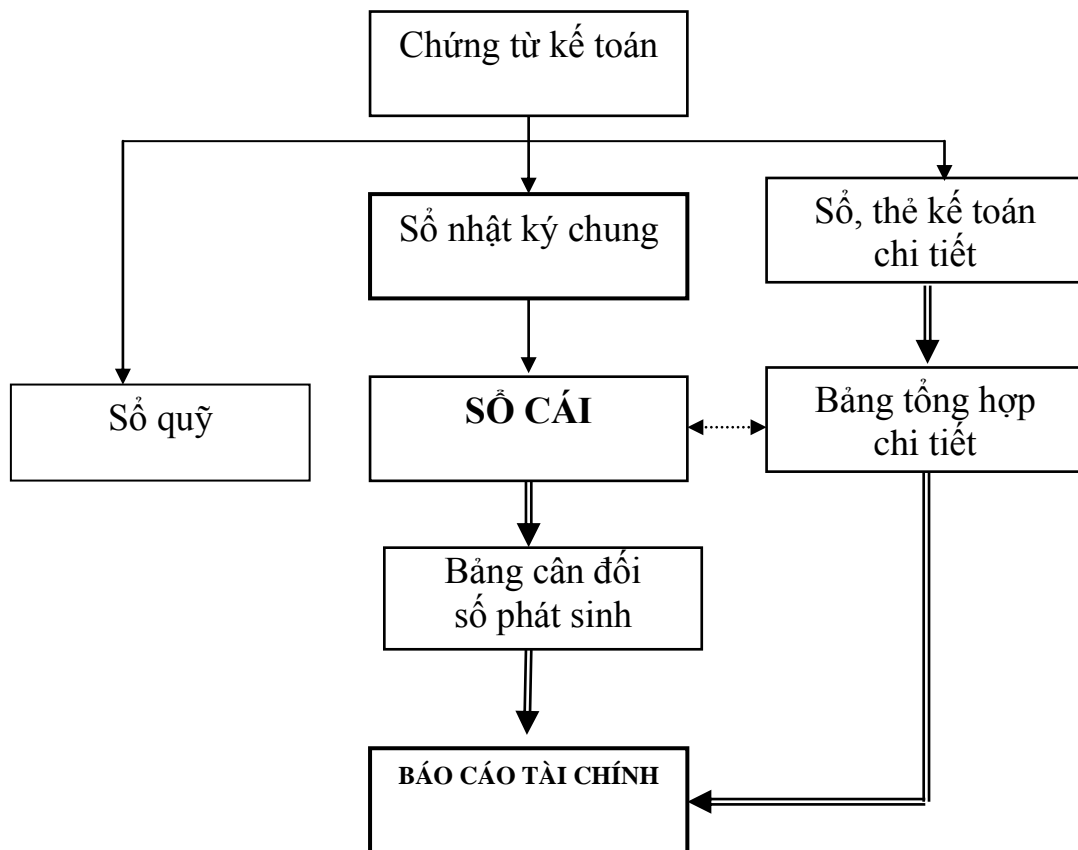
Công ty áp dụng phương pháp kế toán theo hình thức **Nhật ký chung** để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong niên độ.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK131,112
- Sổ cái các TK511,111,112,632,641,642,515,635,911....
- Bảng tổng hợp chi tiết TK131,152

Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung được lập theo **sơ đồ 2.3** (trang bên)

Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung tại công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Trình tự ghi sổ như sau:

- Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ kế toán chi tiết. Từ sổ nhật ký chung kế toán tiến hành ghi vào các sổ cái có liên quan.

- Cuối quý từ sổ cái các tài khoản liên quan kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi khóa sổ đối chiếu số liệu giữa các sổ sách, kế toán căn cứ vào số liệu trong các sổ để tiến hành lập báo cáo tài chính của kỳ kế toán.

2.1.3.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán

Báo cáo tài chính của công ty được lập vào cuối mỗi quý.

Hệ thống báo cáo tài chính của ông ty bao gồm

- Bảng cân đối tài khoản

- Bảng cân đối kế toán - Mẫu B01- DN
- Bảng báo cáo kết quả kinh doanh - Mẫu B02 - DN
- Thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu B09 - DN

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của nhà nước như báo cáo thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP

- Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty: Là một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, công ty có doanh thu chủ yếu từ cung cấp các sản phẩm dịch vụ như hoạt động vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

- Phương thức cung cấp dịch vụ tại công ty là phương thức cung cấp dịch vụ trực tiếp. Hợp đồng cung cấp dịch vụ được ký giữa các bên cung cấp dịch vụ và bên nhận dịch vụ.

- Hình thức thanh toán sẽ được thực hiện:

+ Hình thức thanh toán ngay: khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty thu được tiền ngay (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng...)

+ Hình thức thanh toán chậm: Khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty chưa thu được tiền ngay, vì vậy kế toán phải theo dõi công nợ phải thu qua sổ chi tiết TK 131, sổ tổng hợp chi tiết TK 131, sổ cái TK 131...

❖ Chứng từ sổ sách và tài khoản sử dụng

Để hạch toán doanh thu bán hàng và thuế GTGT, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- TK 511(5113): Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ
- TK 111, 112 : Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- TK 131 : Phải thu của khách hàng

Trong công tác kế toán tiêu thụ, chứng từ ban đầu được sử dụng để hạch toán là:

- Hóa đơn GTGT, phiếu thu...
- Giấy báo có của ngân hàng
- Chứng từ khác có liên quan (nếu có).

Sổ chi tiết được sử dụng: Sổ chi tiết phải thu khách hàng

Các sổ tổng hợp: Sổ cái các tài khoản chi phí, doanh thu, sổ theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng.

❖ Trình tự hạch toán

Khi phát sinh nghiệp vụ kế toán, kế toán tiến hành viết hóa đơn cho khách hàng (Hóa đơn GTGT)

- Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên

Liên 1: Màu tím, lưu tại cuống gốc để tại phòng kế toán.

Liên 2: Màu đỏ, chuyển cho khách hàng làm chứng từ thanh toán.

Liên 3: Màu xanh, làm căn cứ bán hàng và giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng.

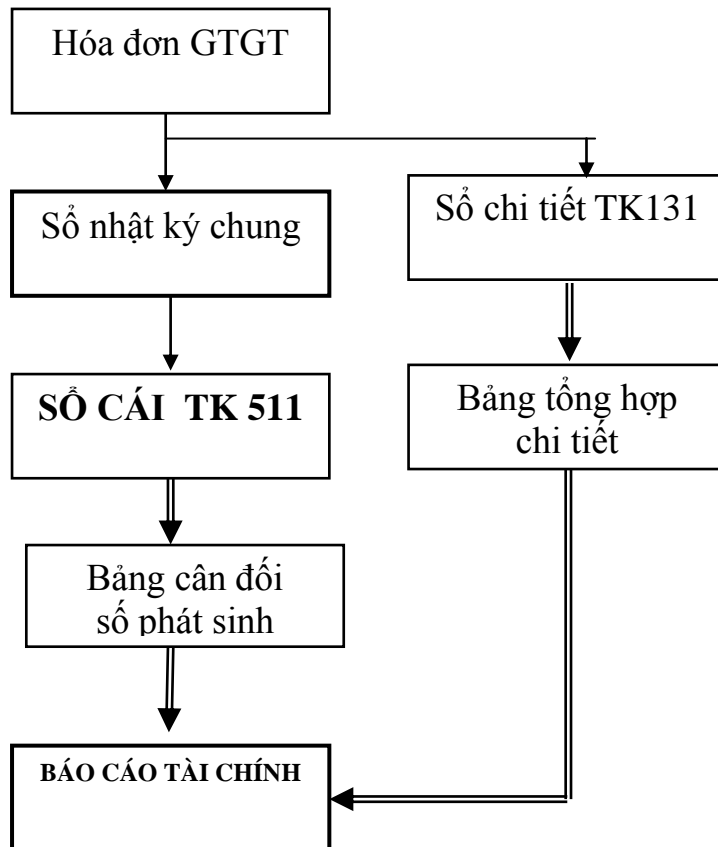
- Đối với phiếu thu. Khi khách hàng nộp tiền kế toán lập 2 liên:

+ Liên 1: Lưu tại phòng kế toán làm căn cứ để nhập dữ liệu vào sổ sách liên quan.

+ Liên 2: Giao cho khách hàng.

Sở đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu (trang bên)

Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Quy trình hạch toán:

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK131, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111,112,511,333...

- Cuối quý, năm kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết. Trước khi lập bảng cân đối số phát sinh kế toán phải đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra tính chính xác của số liệu. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập BCTC

Ví dụ 1:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0055174 ngày 14/12/2010 về việc vận chuyển thép cho công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt Pháp và các chứng từ có liên quan. Kế toán ghi vào sổ sách liên quan theo định khoản

Nợ TK131 : 100.980.000

Có TK511 : 91.800.000

Có TK 3331: 9.180.000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.2) đồng thời ghi vào chi tiết TK131(biểu số 2.5) căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK511 (biểu số 2.3) sổ cái TK131(biểu số 2.4) và sổ cái TK333

Cuối quý căn cứ vào sổ chi tiết TK131 lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng (biểu số 2.6), từ sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng tổng hợp chi tiết và bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

Biểu số 2.1

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT -3LL																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			KX/2010B																
Liên 3: Nội bộ			0055174																
Ngày 14 tháng 12 năm 2010																			
Đơn vị bán hàng: Cty CPTM Vận tải HP																			
Địa chỉ: Số 7 – Lô 4 – PG – An Đồng – An Dương - HP																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại:MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>7</td><td>6</td><td>1</td><td>5</td><td>1</td><td>6</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	2	0	0	7	6	1	5	1	6				
0	2	0	0	7	6	1	5	1	6										
Họ tên người mua hàng: Phạm Thanh Thu																			
Tên đơn vị: Công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt Pháp																			
Địa chỉ: KCN Đại Đồng – Tiên Dư- Bắc Ninh																			
Số tài khoản:																			
Hình thức thanh toán: Chưa ttMS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>2</td><td>3</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>3</td><td>9</td><td>6</td><td>2</td><td>8</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						2	3	0	0	2	3	9	6	2	8				
2	3	0	0	2	3	9	6	2	8										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Cước vận chuyên + giao nhận lô thép từ HP- Bắc Ninh	Tấn	600	153.000	91.800.000														
Cộng tiền hàng:					91.800.000														
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			9.180.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					100.980.000														
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn một trăm mười đồng</i>																			
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															

Biểu số 2.2

Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP
 Địa chỉ: Số 7 Lô 4 – PG An Đồng – An Dương – Hải Phòng
 ĐT:0313.537088

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....	
55166	29/11/2010	V/C thép cho Cty 19/8	131	511	58.500.000
55166	29/11/2010	Thuế gtgt đầu ra	131	333	5.850.000
55167	30/11/2010	V/C thép cho Cty Việt - Hàn	131	511	84.500.000
55167	30/11/2010	Thuế gtgt đầu ra	131	333	8.450.000
.....	
PT10/12	6/12/2010	Thu cước v/c thép của Cty 19/8	111	511	14.500.000
PT10/12	6/12/2010	Thuế gtgt đầu ra	111	333	1.450.000
.....
055174	14/12/2010	Thu cước v/c thép của cty Cơ điện Việt Pháp	131	511	91.800.000
055174	14/12/2010	Thuế gtgt đầu ra	131	333	9.180.000
055175	15/12/2010	V/c thép của cty Bách Hải	131	511	196.000.000
055175	15/12/2010	Thuế gtgt đầu ra	131	333	19.600.000
BC162	15/12/2010	Công ty Bách Hải chuyển trả tiền v/c	112	131	215.600.000
.....
PKT125	31/12/2010	K/C doanh thu dịch vụ vận chuyển quý IV	511	911	7.256.273.526
		Cộng			92.369.426.987

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.3

Công ty CPTM Vận tải HP

Địa chỉ: Số 7 lô4 – PG An Đông – An Dương – Hải Phòng

ĐT: 0313.537088

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 511

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Dư đầu quý			
.....
55166	29/11/2010	V/C thép cho Cty 19/8	131		58.500.000
55167	30/11/2010	V/C thép cho Cty Việt - Hàn	131		84.500.000
PT10/12	6/12/2010	VC thép cty 19/8	111		14.500.000
.....
55174	14/12/2010	Thu cước v/c thép của cty Cơ điện Việt Pháp	131		91.800.000
55175	15/12/2010	Thu cước v/c thép của cty Bách Hải	131		196.000.000
.....
PKT125	31/12/2010	K/C doanh thu dịch vụ vận chuyển quý IV	511	7.256.273.526	
		Cộng số phát sinh		7.256.273.526	7.256.273.526
		Số dư cuối quý			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4

Công ty CPTM Vận tải HP

Địa chỉ: Số 7 lô4 – PG An Đồng – An Dương – Hải Phòng

ĐT: 0313.537088

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Dư đầu quý		1.452.750.000	
.....
55166	29/11/2010	V/C thép cho Cty 19/8	511	58.500.000	
55166	29/11/2010	Thuế gtgt đầu ra	333		
55167	30/11/2010	V/C thép cho Cty Việt - Hàn	511	84.500.000	
55167	30/11/2010	Thuế gtgt đầu ra	333	8.450.000	
55174	14/12/2010	Thu cước v/c thép của cty Cơ điện Việt Pháp	511	91.800.000	
55174	14/12/2010	Thuế gtgt đầu ra	333	9.180.000	
55175	15/12/2010	Thu cước v/c thép của cty Bách Hải	511	196.000.000	
55175	15/12/2010	Thuế gtgt đầu ra	333	19.600.000	
BC162	15/12/2010	Công ty bách hải chuyên trả tiền v/c	112		215.600.000
.....
		Cộng số phát sinh		4.989.270.000	3.986.800.000
		Số dư cuối quý		2.455.220.000	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5

Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP

Sổ chi tiết thanh toán với người mua người bán

TK:131

Đối tượng: Công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt - Pháp

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu quý				-	-
2136	4/10/2010	Vận chuyển thép	511	56.500.000		56.500.000	
2136	4/10/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331	5.650.000		62.150.000	
.....	
55174	14/12/2010	Vận chuyển thép	511	91.800.000		91.800.000	
55174	14/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331	9.180.000		100.980.000	
55275	21/12/2010	Vận chuyển thép	511	39.600.000		140.580.000	
55275	21/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331	3.960.000		144.540.000	
BC 170	21/12/2010	Trả tiền theo hóa đơn 55174	112		100.980.000	43.560.000	
BC171	21/12/2010	Trả tiền theo hóa đơn 55275	112		43.560.000	-	
.....
		Cộng số phát sinh		525.600.000	233.850.000		
		Số dư cuối kỳ				291.750.000	-

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6

Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP

Bảng tổng hợp thanh toán với người mua, người bán

TK:131

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt - Pháp			525.600.000	233.850.000	256.750.000	
2	Công ty CP thương mại Bắc Hải	45.800.000		425.500.000	318.348.000	152.800.000	
3	Công ty Kim khí và xây dựng Thuận Thành	-		985.200.000	728.900.000	256.300.000	
4	Công ty Thành Phát	25.400.000		122.300.000	62.200.000	85.500.000	
.....
	Cộng	1.552.750.000	100.000.000	4.989.270.000	3.986.800.000	2.755.220.000	300.000.000

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần Thương mại Vận tải HP

Do đặc điểm của ngành dịch vụ nói chung và dịch vụ vận tải nói riêng, quá trình sản xuất tương đối giản đơn, không trải qua nhiều công đoạn phức tạp trong quá trình sản xuất gắn liền với quá trình tiêu thụ nên không có sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ tiếp theo. Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn. Theo phương pháp này tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ bằng tổng giá thành dịch vụ cung cấp trong kỳ

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

TK 632: Giá vốn hàng bán

- Và các tài khoản có liên quan khác như: 621,622,627....

❖ Chứng từ sử dụng:

- Bảng tính và phân bổ khấu hao.

- Bảng lương

- Phiếu chi

- Và các chứng từ liên quan.....

❖ Sổ sách liên quan:

- Sổ cái TK 632, TK154...

❖ Quy trình hạch toán

Giá thành sản phẩm của Công ty được tập hợp từ các chi phí:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chủ yếu là dầu diesel được kế toán tập hợp vào TK 621 cuối quý kết chuyển sang TK 154 rồi kết chuyển sang TK 632 để tính giá thành dịch vụ vận chuyển

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm lương của lái xe và phụ xe được trả theo hình thức lương khoán được hạch toán vào TK 622 cuối quý kết chuyển sang TK 154 rồi kết chuyển sang TK 632 để tính giá thành dịch vụ vận chuyển

Chi phí sản xuất chung của Công ty bao gồm: Chi phí sửa chữa, chi phí sửa chữa xe vận chuyển, chi phí dầu xe, ắc quy, chi phí vé xe, khấu hao xe vận chuyển... được tập hợp vào TK 627 cuối quý kết chuyển sang TK 154 rồi kết

chuyển sang TK 632 để tính giá thành dịch vụ vận chuyển

Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn

Tổng giá thành dịch vụ cung cấp = Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

Ví dụ 1:

Căn cứ vào các chứng từ liên quan như bảng tính phân bổ khấu hao, bảng lương, phiếu xuất, hóa đơn GTGT. Trong quý IV năm 2010 tại công ty CPTM Vận tải HP có các chi phí phát sinh được tập hợp như sau

CPNVLTT: 2.902.502.410

CPNCTT: 603.720.600

CPSXC: 2.159.790.038

Cuối quý IV kế toán tiến hành kết chuyển sang TK 154 rồi kết chuyển sang TK632 để xác định giá vốn dịch vụ vận chuyển. Kế toán ghi vào các sổ sách liên quan theo định khoản sau

Nợ TK154 : 5.666.020.048

Có TK621 : 2.902.502.410

Có TK622 : 603.720.200

Có TK627 : 2.159.790.438

Nợ TK632 : 5.666.020.048

Có TK154 : 5.666.020.048

Từ bút toán trên kế toán, kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.7). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK154 (biểu số 2.8), sổ cái TK632 (biểu số 2.9)

Cuối quý căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số 122

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi nợ TK154			
1	K/C chi phí NVLTT	154	621	2.902.509.410
2	K/C chi phí NCTT	154	622	603.720.200
3	K/C chi phí SXC	154	627	2.159.790.438
	Tổng			5.666.020.048

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số 123

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi có TK154			
1	Tập hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển quý IV	632	154	5.666.020.048
	Tổng			5.666.020.048

Biểu số 2.7

Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP

Địa chỉ: Số 7 Lô 4 - PG An Đồng - An Dương - Hải Phòng

ĐT: 0313.537088

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....	
PX45/12	1/12/2010	Xuất 04 bình ắc quy cho bộ phận xe v/c	6272	152	7.936.364
PC02/12	1/12/2010	Mua BH cho xe v/c 16H 3446	6272	111	2.303.000
PC02/12	1/12/2010	Thuế gtgt đầu vào	133	111	224.300
PT10/12	6/12/2010	Thu cước v/c thép của Cty 19/8	111	511	14.500.000
PT10/12	6/12/2010	Thuế gtgt đầu ra	111	333	1.450.000
.....
PKT114	31/12/2010	Khấu hao TSCĐ dùng cho v/c tháng 12	6274	2141	364.422.992
PKT115	31/12/2010	Chi phí nhân công trực tiếp T12	622	334	201.240.300
PKT122	31/12/2010	K/C chi phí NVLTT quý IV	154	621	2.902.509.410
PKT122	31/12/2010	K/C chi phí NCTT quý IV	154	622	603.720.200
PKT122	31/12/2010	K/C chi phí SXC quý IV	154	627	2.159.790.438
PKT123	31/12/2010	Tập hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển quý IV	632	154	5.666.020.048
PKT126	31/12/2010	K/C giá vốn dịch vụ v/c quý IV	911	632	5.666.020.048
		Cộng			92.369.426.987

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8

Công ty CPTM Vận tải HP

Địa chỉ: Số 7 lô4 - PG An Đông - An Dương - Hải Phòng

ĐT: 0313.537088

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 154

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Dư đầu quý			
PKT122	31/12/2010	K/C chi phí nguyên nhiên liệu quý IV	621	2.902.509.410	
PKT122	31/12/2010	K/C chi phí nhân công trực tiếp quý IV	622	603.720.200	
PKT122	31/12/2010	K/C chi phí sản xuất chung quý IV	627	2.159.790.438	
PKT123	31/12/2010	Tập hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển quý IV	632		5.666.020.048
		Cộng số phát sinh		5.666.020.048	5.666.020.048
		Số dư cuối quý		-	-

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9

Công ty CPTM Vận tải HP
 Địa chỉ: Số 7 lô4 - PG An Đông - An Dương - Hải Phòng
 ĐT: 0313.537088

SỔ CÁI
Số hiệu TK: 632
Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán
Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Dư đầu quý			
PKT123	31/12/2010	Tập hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển quý IV	154	5.666.020.048	
PKT126	31/12/2010	K/C giá vốn dịch vụ v/c quý IV	911		5.666.020.048
		Cộng số phát sinh		5.666.020.048	5.666.020.048
		Số dư cuối quý		-	-

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng được sử dụng để phản ánh các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động bán hàng. Chi phí bán hàng tại Công ty chủ yếu là chi phí dịch vụ chuyển phát nhanh và chi phí đặt in hóa đơn GTGT và chi phí quảng cáo.

Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh vào tài khoản này phải có căn cứ hợp pháp và chứng từ hợp lệ, đầy đủ.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh. Toàn bộ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản chi phí bán hàng không có số dư cuối

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi (mẫu số 02TT- BTC)
- Hoá đơn GTGT (mẫu 01 - GTKT)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu 02 - GTGT)
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 641- Chi phí bán hàng. Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản
- TK 111- Tiền mặt.
- TK 331- Phải trả người bán.

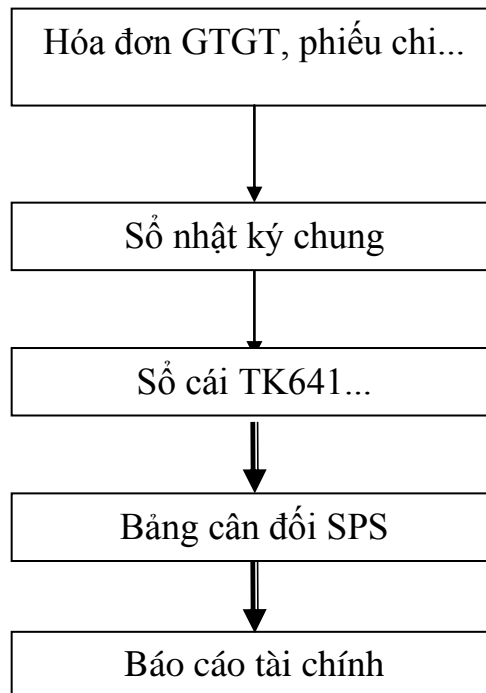
❖ Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 641, TK 111, TK 331

❖ Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng(trang bên)

Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối quý : ⇒

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111,112,641,133...

- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC

Ví dụ 1:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0060577 và phiếu chi 55/12 ngày 31/12/2010 về việc đặt in hóa đơn và các chứng từ khác có liên quan. Kế toán ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 641 : 2.000.000

Nợ TK 133 : 200.000

Có TK 111: 2.200.000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.12), căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK641(biểu số 2.13) và sổ cái TK133, TK111

Cuối quý căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

Biểu số 2.10

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT -3LL																
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AA/2010T																
Liên 2: Giao cho khách hàng			0060577																
Ngày 31 tháng 12 năm 2010																			
Đơn vị bán hàng: Cty CP Tin học và Công nghệ Hàng Hải																			
Địa chỉ: 12 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền – Hải Phòng																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại:MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>2</td><td>1</td><td>4</td><td>8</td><td>5</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	2	0	0	4	2	1	4	8	5				
0	2	0	0	4	2	1	4	8	5										
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty CPTM Vận tải HP																			
Địa chỉ: Số 7 lô4 – PG An Đồng – An Dương - Hải Phòng																			
Số tài khoản: Tiền mặt.....																			
Hình thức thanh toán: TM/CKMS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>7</td><td>6</td><td>1</td><td>5</td><td>1</td><td>6</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	2	0	0	7	6	1	5	1	6				
0	2	0	0	7	6	1	5	1	6										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	In hóa đơn GTGT mẫu số 01 GTKT3/001, ký hiệu AA/11P, in từ số 0000001 đến số 0000500	Số	500	4.000	2.000.000														
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ					2.000.000														
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					200.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					2.200.000														
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm chẵn																			
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															

Biểu số 2.11

CÔNG TY CPTM Vận tải HP

Mẫu số 02 - TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

Phiếu Chi số: PC 55/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

TK ghi nợ: 641,133

TK ghi có: 1111

Họ tên người nhận tiền: Trần Thị Huệ

Địa chỉ: Phòng kế toán- Công ty CPTM Vận tải HP

Lý do chi: Trả tiền đặt in hóa đơn

Số tiền: 2.200.000

Bằng chữ: Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo ..01..... chứng từ gốc HĐ0060577

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).. Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi

Biểu số 2.12

Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP
 Địa chỉ: Số 7 Lô 4 – PG An Đồng – An Dương – Hải Phòng
 ĐT: 0313.537088

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
....
PC 05/12	9/12/2010	Trả phí dịch vụ CPN	641	111	15.000
.....	
PC12/12	14/12/2010	Trả tiền điện	6422	111	2.124.771
PC12/12	14/12/2010	Thuế gtgt đầu vào	133	111	212.477
PC14/12	14/12/2010	Trả cước ĐT	6422	111	1.862.303
PC14/12	14/12/2010	Thuế gtgt đầu vào	133	111	186.230
.....	
PC 22/12	25/12/2010	Trả phí dịch vụ CPN	641	111	18.000
BC	26/12/2010	Ngân hàng NV trả lãi tiền gửi	112	515	685.885
PC25/12	27/12/2010	Trả phí dịch vụ CPN	641	111	30.000
.....	
PKT120	31/12/2010	Lương bộ phận quản lý tháng 12	6422	334	102.920.000
PKT121	31/12/2010	Trích lương CNV đóng BHXH	334	338	1.890.000
PKT121	31/12/2010	BHXH tính vào chi phí	6422	338	4.780.000
PC55/12	31/12/2010	Chi phí đặt in hoá đơn GTGT	641	111	2.000.000
PC55/12	31/12/2010	Thuế GTGT đầu vào	133	111	200.000
PC56/12	31/12/2010	Trả phí dịch vụ CPN	641	111	18.000
PKT126	31/12/2010	K/C chi phí bán hàng quý IV	911	641	55.972.800
PKT126	31/12/2010	K/C chi phí quản lý quý IV	911	642	408.338.008
		Cộng			92.369.426.987

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13

Công ty CPTM Vận tải HP

Địa chỉ: Số 7 lô4 – PG An Đồng – An Dương – Hải Phòng

ĐT: 0313.537088

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 641

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Dư đầu quý			
.....
PC05/12	9/12/2010	Trả phí dịch vụ CPN	111	15.000	
PC 22/12	24/12/2010	Trả phí dịch vụ CPN	111	18.000	
.....
PC25/12	27/12/2010	Trả phí dịch vụ CPN	111	30.000	
PC55/12	31/12/2010	Chi phí đặt in hoá đơn GTGT	111	2.000.000	
PC56/12	31/12/2010	Trả phí dịch vụ CPN	111	18.000	
PKT126	31/12/2010	K/C chi phí bán hàng quý IV	911		55.972.800
		Cộng số phát sinh		55.972.800	55.972.800
		Số dư cuối quý		-	-

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được sử dụng để phản ánh các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến quản lý doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty chủ yếu là chi phí về lương, vật liệu văn phòng, phí và lệ phí, các chi phí khác liên quan đến quản lý doanh nghiệp.

Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh vào tài khoản này phải có căn cứ hợp pháp, chứng từ xác thực.

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không có số dư cuối kỳ.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi (mẫu số 02TT- BTC)
- Hoá đơn GTGT (mẫu 01 - GTKT)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu 02 - GTGT)
- Ủy nhiệm chi
- Bảng thanh toán lương (Mẫu số 02-LĐTL)
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

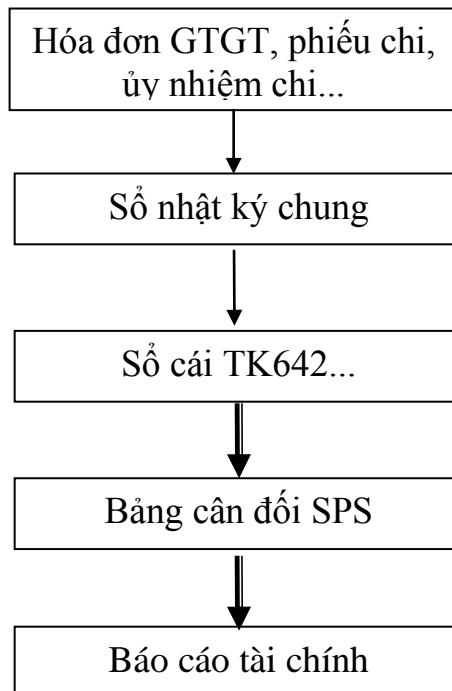
TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp (trang bên)

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối quý \Longrightarrow

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111,112,642,133...

- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC

Ví dụ 1:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0555878 và phiếu chi số 14/12 ngày 14/12/2010 về việc thanh toán tiền điện thoại tháng 11. Kế toán ghi sổ theo định khoản:

	Nợ TK 642	: 1.862.303
	Nợ TK 133	: 186.230
	Có TK 111	: 2.048.533

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.12), căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.16) và sổ cái TK133, TK111

Cuối quý căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

Biểu số 2.14



**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)
Liên 2: Giao khách hàng**

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03
Ký hiệu: AC/2010T
Số: 0555878

Mã số:

TT Dịch vụ khách hàng- VTHP- Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (customer's name): Công ty CPTM Vận tải HP

Mã số: 0200761516

Địa chỉ (address): Số 7 lô4- PG An Đồng – An Dương – Hải Phòng.....

Số điện thoại (tel): 0313.537088.....Mã số (code).....

Hình thức thanh toán (kind of payment): TM/CK.....

Dịch vụ sử dụng (kind of service)	Thành tiền (amount)
KỲ HÓA ĐƠN THÁNG 11/2010	1.862.303
a, Cước dịch vụ viễn thông	0
b, Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c, Chiết khấu + đa dịch vụ	0
d, Khuyến mại	0
e, Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ	
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ(1)	1.862.303
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT (2)	186.230
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán	2.048.533

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu không trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm ba ba đồng chẵn

Người nộp tiền ký

Ngày...tháng...năm...
Nhân viên giao dịch ký

Biểu số 2.15

CÔNG TY CPTM Vận tải HP

Mẫu số 02 - TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

Phiếu Chi số: PC 14/12

Ngày 14 tháng 12 năm 2010

TK ghi nợ: 642,133

TK ghi có: 1111

Họ tên người nhận tiền: Trần Thị Quỳnh Phương

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2010

Số tiền: 2.048.533

Bằng chữ:: Hai triệu không trăm bốn tám nghìn năm trăm ba ba đồng chẵn

Kèm theo ..01..... chứng từ gốc HĐ 0555878

Ngày 14 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập biểu	Thủ quỹ
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký, họ tên)	(ký,họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) Hai triệu không trăm bốn tám nghìn năm trăm ba ba đồng chẵn

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi

Biểu số 2.16

Công ty CPTM Vận tải HP

Địa chỉ: Số 7 lô4 – PG An Đồng – An Dương – Hải Phòng

ĐT: 0313.537088

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Dư đầu quý			
.....
PC12/12	14/12/2010	Trả tiền điện tháng 12	111	2.124.771	
PC14/12	14/12/2010	Trả cước điện thoại tháng 12	111	1.862.303	
.....
PKT120	31/12/2010	Lương bộ phận quản lý tháng 12	334	85.236.965	
PKT121	31/12/2010	BH tính vào chi phí	338	3.765.168	
PKT126	31/12/2010	K/C chi phí quản lý quý IV	911		408.338.008
		Cộng số phát sinh		408.338.008	408.338.008
		Số dư cuối quý			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Tại công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP thì doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

- ❖ Chứng từ kế toán sử dụng
 - Giấy báo có
 - Phiếu kế toán
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 - Các tài khoản khác có liên quan

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

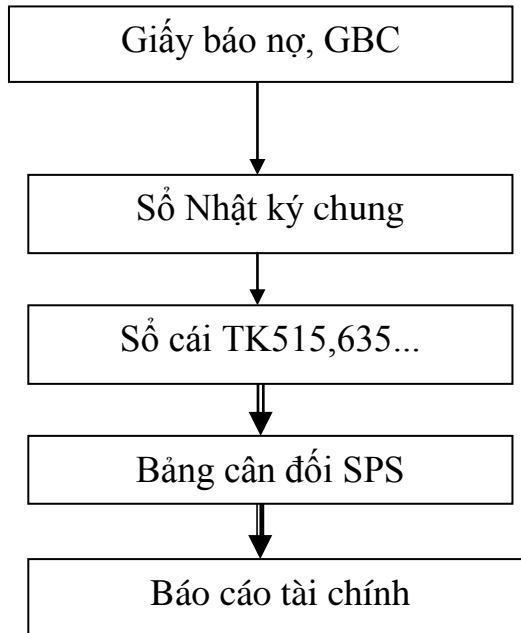
Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi cho tài chính, các khoản lỗ về đầu tư tài chính, các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, lãi vay phải trả. Trong năm 2010 công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP có khoản chi phí tài chính chủ yếu là khoản lãi vay phải trả

- ❖ Chứng từ kế toán sử dụng
 - Phiếu chi
 - Giấy báo nợ
 - Phiếu kế toán
- ❖ Tài khoản kế toán sử dụng
 - TK 635: Chi phí hoạt động tài chính
 - Các tài khoản có liên quan khác

2.2.4.3. Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối quý

- Hàng ngày, căn cứ vào GBN, GBC, phiếu chi, ủy nhiệm chi kế toán hạch toán vào Sổ Nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK515, TK635, TK112

- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC

Ví dụ 1:

Căn cứ vào giấy báo có số 170 ngày 31/12/2010 ngân hàng Techcombank về việc nhận lãi tiền gửi và các chứng từ có liên quan Kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản

Nợ TK 112 : 1.152.600

Có TK 515: 1.152.600

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào nhật ký chung (biểu số 2.19). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK515 (biểu số 2.20)

Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK515 để lập bảng cân đối số phát sinh, bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

Ví dụ 2:

Căn cứ vào giấy báo nợ số 158 ngày 23/12/2010 ngân hàng Techcombank về việc nhận trả lãi tiền vay và các chứng từ có liên quan Kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản

Nợ TK 635 : 16.320.000

Có TK 112: 16.320.000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào nhật ký chung(biểu số 2.19). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK635 (biểu số 2.21)

Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK635 để lập bảng cân đối số phát sinh, bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

Biểu số 2.17

NGÂN HÀNG CPTM KỸ THƯƠNG VIỆT
NAM
HPG-TCB HAI PHONG
MST: 0100230800-004



Theo công văn số
21208/CT/AC
Cục thuế Hà Nội

PHIẾU BÁO CÓ

Trang 1/1

Ngày .31.. tháng ...12 năm2010

Kính gửi : CT CPTM VAN TAI HP
Địa chỉ : SO 7 LO4 PG AN DONG AN DUONG HAI
PHONG
Mã số thuế: 0200761516
Số ID khách hàng: 20016596

Số tài khoản :109.20016596.01.5
Loại tiền : VND
Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN
Giao dịch: 170

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Trả lãi tiền gửi	1.152.600,00
Tổng số tiền	1.152.600,00

Số tiền bằng chữ: Một triệu một trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm VND chẵn

Trích yếu: Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 12.../.2010.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

TECHCOMBANK HAI PHONG
PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
Số 5 Lý Tự Trọng - Hồng Bàng - HP

Biểu số 2.18

NGÂN HÀNG CPTM KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
HPG-TCB HAI PHONG
MST: 0100230800-004



Theo công văn số 21208/
CT/AC Cục thuế Hà Nội

PHIẾU BÁO NỢ
(Kiên hóa đơn thu phí dịch vụ)

Trang 1/1

Ngày ..23. tháng .12.. năm2010

Kính gửi : CT CPTM VAN TAI HP
: Địa chỉ :SO 7 LO4 PG AN DONG AN DUONG HAI
PHONG
Mã số thuế: 0200761516
Số ID khách hàng: 20016596

Số tài khoản :109.20016596.01.5
Loại tiền : VND
Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN
Giao dịch: 158

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Chuyên khoản thu nợ	16.320.000,00
Tổng số tiền	16.320.000,00

Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn VND chẵn
Trích yếu: CHUYEN KHOAN THU NO-CT CPTM VAN TAI HP

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

TECHCOMBANK HẢI PHÒNG
PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
Số 5 Lý Tự Trọng - Hồng Bàng - HP

Biểu số 2.19

Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP

Địa chỉ: Số 7 Lô 4 – PG An Đồng – An Dương – Hải Phòng

ĐT: 0313.537088

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
PC01/12	1/12/2010	Nộp tiền vào tk ngân hàng NN	112	111	31.400.000
105032	1/12/2010	Mua BH cho xe v/c 16H 3446	6272	111	2.303.000
105032	1/12/2010	Thuế gtgt đầu vào	133	111	224.300
PT01/12	6/12/2010	Thu cước v/c thép của Cty 19/8	111	511	14.500.000
PT01/12	6/12/2010	Thuế gtgt đầu ra	111	333	1.450.000
.....
BN158/Tech	23/12/2010	Trả lãi tiền vay hạn mức ngân hàng Techcombank	635	112	16.320.000
PC 22/12	25/12/2010	Trả phí dịch vụ CPN	641	111	18.000
BN160/NV	25/12/2010	Trả lãi tiền vay ngân hàng NV	635	112	18.502.800
BC165/NV	26/12/2010	Ngân hàng NV trả lãi tiền gửi	112	515	685.885
.....
PC32/12	31/12/2010	Trả phí dịch vụ CPN	641	111	18.000
BC170/Tech	31/12/2010	Ngân hàng Techcombank trả lãi tiền gửi	112	515	1.152.600
PKT125	31/12/2010	K/C doanh thu hoạt động tài chính quý IV	515	911	4.495.869
PKT126	31/12/2010	K/c Chi phí tài chính quý IV	911	635	119.348.400
		Cộng			92.369.426.987

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.20

Công ty CPTM Vận tải HP

Địa chỉ: Số 7 lô4 – PG An Đồng – An Dương – Hải Phòng

ĐT: 0313.537088

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Dư đầu quý			
.....
BC165/NV	25/12/2010	Ngân hàng NV trả lãi tiền gửi	112		685.885
BC170/Tech	31/12/2010	Ngân hàng Techcombank trả lãi tiền gửi	112		1.152.600
PKT 125	31/12/2010	K/C doanh thu hoạt động tài chính quý IV	911	4.495.869	
		Cộng số phát sinh		4.495.869	4.495.869
		Số dư cuối quý		-	-

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21

Công ty CPTM Vận tải HP

Địa chỉ: Số 7 lô4 – PG An Đồng – An Dương – Hải Phòng

ĐT: 0313.537088

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 635

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Dư đầu quý			
.....
BN158/Tech	23/12/2010	Trả lãi tiền vay ngân hàng Techcombank	112	16.320.000	
BN160/NV	25/12/2010	Trả lãi tiền vay ngân hàng Nam Việt	112	18.502.800	
PKT126	31/12/2010	K/c Chi phí tài chính quý IV	911		119.348.400
		Cộng số phát sinh		119.348.400	119.348.400
		Số dư cuối quý			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán hoạt động khác tại Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP

2.2.5.1. Kế toán thu nhập khác

- Thu nhập khác là những khoản thu nhằm làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài, các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu về nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền cho thuê, thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại.

Tại công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP quý IV năm 2010 có khoản thu nhập khác từ hoạt động nhượng bán tài sản cố định.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu (mẫu 01TT- BTC)
- Phiếu kế toán
- Biên bản nhượng bán TSCĐ (mẫu 02 - TSCĐ)

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 711: Thu nhập khác
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 3331

2.2.5.2. Kế toán chi phí khác

- Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay nhiệm vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra.

Tại công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP trong quý IV năm 2010 có các khoản chi phí từ hoạt động khác là giá trị còn lại của tài sản cố định đã nhượng bán

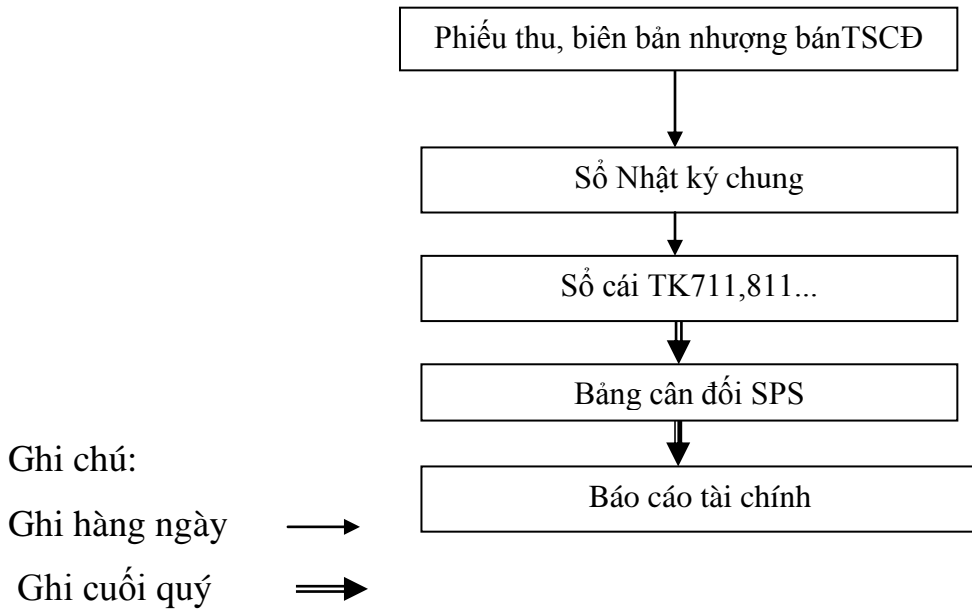
❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Biên bản nhượng bán TSCĐ (mẫu 02 - TSCĐ)

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 811: Chi phí khác
- Các tài khoản khác có liên quan: 214,211.

2.2.5.3. Phương pháp hạch toán thu nhập, chi phí khác



- Hàng ngày, căn cứ vào phiếu thu, biên bản nhượng bán TSCĐ...kế toán hạch toán vào Sổ Nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK77,811,111,214...

- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC

Ví dụ 1: Căn cứ vào biên bản nhượng bán ngày 09/12/2010 về việc thanh lý tài sản cố định Sơ mi - Rơ móoc và các chứng từ có liên quan khác. Kế toán ghi vào các sổ sách kế toán theo định khoản

Nợ TK 111	:	40.000.000
Có TK711:		36.363.636
Có TK3331:		3.636.364
Nợ TK 811	:	102.702.120
Nợ TK 214	:	58.090.880
Có TK 211:		160.793.000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.24), căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK711 (biểu số 2.25), sổ cái TK811 (biểu số 2.26) và sổ cái TK211,333,214. Cuối quý căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

Biểu số 2.22

BIÊN BẢN NHƯỢNG BÁN TSCĐ

Ngày 09 tháng 12 năm 2010

- Căn cứ Quyết định số:13 ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP.....về việc nhượng bán tài sản cố định

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm

* Bên thanh lý (Bên A)

- Ông: Nguyễn Văn Hưng Chức vụ: Giám đốc Trưởng ban

- Bà: Trần Thị Huệ Chức vụ: Kế toán Ủy viên

* Bên mua (Bên B)

Ông: Nguyễn Văn Ba Chức vụ: Phó giám đốc Trưởng ban

Ông: Nguyễn Tiến Đạt Chức vụ: Nhân viên kinh doanh Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Romóoc.....

- Số hiệu TSCĐ: biên kiểm soát 16R- 2346.....

- Nước sản xuất(xây dựng): Mỹ.....

- Năm sản xuất: 2007.....

- Năm đưa vào sử dụng: 2008.....

- Nguyên giá TSCĐ: 160.793.000 đồng.....

- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm nhượng bán: 58.090.880 đồng.....

- Giá trị còn lại của TSCĐ: 102.702.120 đồng.....

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ

Romóoc vẫn sử dụng bình thường

IV> Kết quả thanh lý TSCĐ

- Chi phí thanh lý TSCĐ:...0.....(viết bằng chữ).....

- Giá trị thu hồi: 36.363.636.....(viết bằng chữ) Ba sáu triệu ba trăm sáu ba nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng chẵn.

- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 09 tháng 12 năm 2010

Đại diện bên A
(Ký, họ tên)

Ngày 09 tháng 12 năm 2010
Đại diện bên B
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.23

CÔNG TY CPTM Vận tải HP

Mẫu số 01 - TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

Phiếu Thu số: PT02/12

Ngày 09 tháng 12 năm 2010

TK ghi nợ: 111

TK ghi có: 711,3331

Họ tên người nộp tiền: Dương Văn Bảo

Địa chỉ: Số 168 Hai Bà Trưng – HP

Lý do nộp: Thu bán Somiromóc biên kiểm soát 16R – 2346

Số tiền : 40.000.000

Bằng chữ:: Bốn mươi triệu đồng chẵn

Kèm theo ..01..... chứng từ gốc

Ngày 09 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	(ký,họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Bốn mươi triệu đồng chẵn

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi

Biểu số 2.24

Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP
 Địa chỉ: Số 7 Lô 4 – PG An Đồng – An Dương – Hải Phòng
 ĐT: 0313.537088

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....
PC01/12	1/12/2010	Nộp tiền vào tk ngân hàng NN	112	111	31.400.000
PC02/12	1/12/2010	Mua BH cho xe v/c 16H 3446	6272	111	2.303.000
PC02/12	1/12/2010	Thuế gtgt đầu vào	133	111	224.300
PT 01/12	6/12/2010	Thu cước v/c thép của Cty 19/8	111	511	14.500.000
PT 01/12	6/12/2010	Thuế gtgt đầu ra	111	333	1.450.000
PC 05/12	9/12/2010	Trả phí dịch vụ CPN	641	111	15.000
PT 02/12	9/12/2010	Bán Somiroáo 16R 2346	111	711	36.363.636
PT 02/12	9/12/2010	Thuế gtgt đầu ra	111	333	3.636.364
PKT 109	9/12/2010	Giá trị hao mòn lũy kế	214	211	58.090.880
PKT 109	9/12/2010	Giá trị còn lại	811	211	102.702.120
.....
PKT 125	31/12/2010	K/C thu nhập khác	711	911	36.363.636
PKT 126	31/12/2010	K/C chi phí khác	911	811	102.702.120
		Cộng			92.369.426.987

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25

Công ty CPTM Vận tải HP

Địa chỉ: Số 7 lô4 - PG An Đông - An Dương - Hải Phòng

ĐT: 0313.537088

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 711

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu quý			
9/12/2010	PT 02/12	9/12/2010	Bán Somiromoóc 16R 2346	111		36.363.636
31/12/2010	PKT 125	31/12/2010	K/C thu nhập khác	911	36.363.636	
			Cộng số phát sinh		36.363.636	36.363.636
			Số dư cuối quý			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26

Công ty CPTM Vận tải HP

Địa chỉ: Số 7 lô4 - PG An Đông - An Dương - Hải Phòng

ĐT: 0313.537088

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 811

Tên tài khoản: Chi phí khác

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu quý			
9/12/2010	PKT 109	9/12/2010	Bán Sômiromóc 16R 2346	211	102.702.120	
31/12/2010	PKT 126	31/12/2010	K/C chi phí khác	911		102.702.120
			Cộng số phát sinh		102.702.120	102.702.120
			Số dư cuối quý			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6. Xác định kết quả kinh doanh

- Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả và kết quả của doanh nghiệp mình. Nội dung của kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP bao gồm

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác
- ❖ Tài khoản kế toán sử dụng
 - TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
 - TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
 - Các tài khoản khác có liên quan
- ❖ Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Cuối quý kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản xác định lãi lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\mathbf{KQKD = DTT - CP + KQTC + KQHĐ khác}$$

Trong đó:

$$\begin{aligned} \text{Chi phí} &= \text{Giá vốn hàng bán} + \text{Chi phí bán hàng} + \text{Chi phí quản lý DN} \\ \text{KQTC} &= \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí HĐTC} \\ \text{KQHĐ khác} &= \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} \end{aligned}$$

Ví dụ 1:

Cuối tháng 12 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh quý IV. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán kế toán vào các sổ sách liên quan

- Tổng số phát sinh bên Có TK 911:	7.297.133.031
Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ:	7.256.273.526
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	4.495.869
Kết chuyển thu nhập khác	36.363.636

- Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911:	6.352.381.376
Kết chuyển giá vốn bán hàng:	5.666.020.048
Kết chuyển chi phí bán hàng:	55.972.800
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	408.338.008
Kết chuyển chi phí tài chính	119.348.400
Kết chuyển chi phí khác	102.702.120
- Thu nhập chịu thuế = 7.297.133.031 - 6.352.382.176 = 944.751.655	
- Thuế TNDN phải nộp = 944.751.655 x 25% = 236.187.914	
- Lợi nhuận sau thuế = 944.751.655 - 236.187.914 = 708.563.741	

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số 125

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi có TK911			
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	7.256.273.526
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	4.495.869
3	Thu nhập khác	711	911	36.363.636
	Tổng			7.297.133.031

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số 126

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi Nợ TK911			
1	Giá vốn hàng bán	911	632	5.666.020.048
2	Chi phí bán hàng	911	641	55.972.800
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	408.338.008
4	Chi phí tài chính	911	635	119.348.400
5	Chi phí khác	911	811	102.702.120
6	Chi phí thuế TNDN	911	821	236.187.914
7	Lợi nhuận sau thuế	911	421	708.563.741
	Tổng			7.297.133.031

Biểu số 2.27

Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP
 Địa chỉ: Số 7 Lô 4 – PG An Đồng – An Dương – Hải Phòng
 ĐT: 0313.537088

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
PC01/12	1/12/2010	Nộp tiền vào tk ngân hàng NN	112	111	31.400.000
PC02/12	1/12/2010	Mua BH cho xe v/c 16H 3446	6272	111	2.303.000
PC02/12	1/12/2010	Thuế gtgt đầu vào	133	111	224.300
PT01/12	6/12/2010	Thu cước v/c thép của Cty 19/8	111	511	14.500.000
PT01/12	6/12/2010	Thuế gtgt đầu ra	111	333	1.450.000
..
PKT124	31/12/2010	Chi phí thuế TNDN quý IV	821	3334	236.187.914
PKT125	31/12/2010	K/C doanh thu dịch vụ vận chuyển	511	911	7.256.273.526
PKT125	31/12/2010	K/C doanh thu hoạt động tài chính quý IV	515	911	4.495.869
PKT125	31/12/2010	K/C thu nhập khác	711	911	36.363.636
PKT126	31/12/2010	K/C giá vốn dịch vụ v/c quý IV	911	632	5.666.020.048
PKT126	31/12/2010	K/C chi phí bán hàng quý IV	911	641	55.972.800
PKT126	31/12/2010	K/C chi phí quản lý quý IV	911	642	408.338.008
PKT126	31/12/2010	K/c Chi phí tài chính quý IV	911	635	119.348.400
PKT126	31/12/2010	K/C chi phí khác	911	811	102.702.120
PKT126	31/12/2010	K/C chi phí thuế TNDN	911	821	236.187.914
PKT126	31/12/2010	Lợi nhuận sau thuế	911	421	708.563.741
		Cộng			92.369.426.987

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.28

Công ty CPTM Vận tải HP

Địa chỉ: Số 7 lô4 – PG An Đông – An Dương – Hải Phòng

ĐT: 0313.537088

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 821

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Dư đầu quý			
PKT124	31/12/2010	Chi phí thuế TNDN quý IV	3334	236.187.914	
PKT126	31/12/2010	K/C chi phí thuế TNDN	911		236.187.914
		Cộng số phát sinh		236.187.914	236.187.914
		Số dư cuối quý		-	-

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.29

Công ty CPTM Vận tải HP

Địa chỉ: Số 7 lô4 - PG An Đồng - An Dương - Hải Phòng

ĐT: 0313.537088

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 911

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Dư đầu quý			
PKT125	31/12/2010	K/C doanh thu dịch vụ vận chuyên	511		7.256.273.526
PKT125	31/12/2010	K/C doanh thu hoạt động tài chính quý IV	515		4.495.869
PKT125	31/12/2010	K/C thu nhập khác	711		36.363.636
PKT126	31/12/2010	K/C giá vốn dịch vụ v/c quý IV	632	5.666.020.048	
PKT126	31/12/2010	K/C chi phí bán hàng quý IV	641	55.972.800	
PKT126	31/12/2010	K/C chi phí quản lý quý IV	642	408.338.008	
PKT126	31/12/2010	K/c Chi phí tài chính quý IV	635	119.348.400	
PKT126	31/12/2010	K/C chi phí khác	811	102.702.120	
PKT126	31/12/2010	K/C chi phí thuế TNDN	821	236.187.914	
PKT126	31/12/2010	Lợi nhuận sau thuế	421	708.563.741	
		Cộng số phát sinh		7.297.133.031	7.297.133.031
		Số dư cuối quý			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.30

Công ty CPTM Vận tải HP

Địa chỉ: Số 7 lô4 - PG An Đông - An Dương - Hải Phòng

ĐT: 0313.537088

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 421

Tên tài khoản: Lợi nhuận chur phân phối

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Dư đầu quý			1.015.286.231
PKT126	31/12/2010	Lợi nhuận sau thuế quý IV	911		708.563.741
		Cộng số phát sinh			708.563.741
		Số dư cuối quý			1.723.849.972

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.31

Mẫu số B02 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV	Quý III
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	01	VI.25	7.256.273.526	6.578.369.486
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		7.256.273.526	6.578.369.486
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	5.666.020.048	5.331.062.324
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.590.253.478	1.247.307.162
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	4.495.869	2.302.965
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	119.348.400	231.968.741
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		119.348.400	231.968.741
8. Chi phí bán hàng	24		55.972.800	44.236.563
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		408.338.008	352.089.848
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		1.011.090.139	621.314.975
11. Thu nhập khác	31		36.363.636	-
12. Chi phí khác	32		102.702.120	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(66.338.484)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		944.751.655	621.314.975
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	236.187.914	155.328.744
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		708.563.741	465.986.231
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HP

3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải HP

Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít khó khăn từ các yếu tố khách quan cùng nhu cầu chủ quan mang lại. Mặc dù vậy với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của ban giám đốc công ty, sự năng động, sáng tạo nhiệt tình của toàn thể công nhân viên, công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và ngày càng được khách hàng tín nhiệm.

Để đạt được thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Qua một thời gian thực tập tại công ty CPTM Vận tải HP với việc nghiên cứu đề tài: "**Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM Vận tải HP**". em xin đưa ra một số ý kiến như sau:

3.1.1. Ưu điểm

✚ Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh:

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

✚ Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

Cơ cấu của phòng tài chính kế toán gọn nhẹ. Các cán bộ kế toán có tính độc lập, nhiệt tình và có lòng yêu nghề, chưa để xảy ra sai phạm đáng kể trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê. Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật và quy định của Công ty.

✚ Về hạch toán kế toán nói chung:

Nhìn chung Công ty thực hiện đầy đủ và chính xác chế độ kế toán cũng như những chuẩn mực ban hành cụ thể:

- Chứng từ kế toán: Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

- Về sổ sách kế toán: Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng sạch sẽ và được lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, hình thức này có ưu điểm cơ bản là ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra. Sổ cái cho phép người quản lý theo dõi được các nội dung kinh tế.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

✚ Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty: Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại đơn vị.

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan

trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

3.1.2. Hạn chế

Trong thời gian vừa qua, công ty đã cố gắng xây dựng bộ máy quản lý cũng như xây dựng bộ máy kế toán ngày càng hoàn thiện hơn, nhằm hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý và công ty đã đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, cùng với những mặt ưu điểm thì công tác hạch toán kế toán của công ty vẫn còn những mặt tồn tại.

➤ Về tổ chức bộ máy kế toán

Hiện nay Công ty chỉ có 3 cán bộ kế toán trình độ chuyên môn chưa cao hơn nữa việc phân công công việc chưa hợp lý dẫn đến tình trạng số lượng nhân viên kế toán ít mà khối lượng công việc nhiều (thường dồn vào cuối kỳ) nên công tác kế toán còn gặp nhiều sai sót. Không những thế Công ty hiện đang dùng kế toán bằng tay chưa áp dụng các phần mềm kế toán nên khó đáp ứng được số liệu khi cần một cách chính xác và nhanh chóng.

➤ Về phân bổ chi phí khấu hao tài sản cố định

Hiện nay khoản trích khấu hao tài sản cố định sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp kế toán tại công ty vận tải HP hạch toán vào chi phí sản xuất chung. Do đó làm sai lệch số phát sinh của tài khoản 632 và 642 cụ thể làm tăng chi phí sản xuất chung và làm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. Vì vậy ảnh hưởng đến tính chính xác của giá thành, lợi nhuận và ảnh hưởng trực tiếp đến việc ra quyết định của nhà quản lý.

Biểu số 3.1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HP
BẢNG TRÍCH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên TSCĐ	Bộ phận sử dụng	Nguyên giá	Năm sử dụng	Tỷ lệ khấu hao	Số khấu hao	TK627
01	Xe ô tô đầu kéo 16L 6346 mới 100%	Vận chuyển	692.768.553	8	12,50%	7.216.339	7.216.339
02	Somiro móc 16R 2822 mới 100%	Vận chuyển	154.878.080	7	14,29%	1.843.787	1.843.787
03	Somiro móc 16R 2827 mới 100%	Vận chuyển	157.323.315	7	14,29%	1.872.897	1.872.897
04	Xe ô tô đầu kéo 16L 6246 mới 100%	Vận chuyển	692.462.839	8	12,50%	7.213.155	7.213.155
.....	
42	Somiro móc 16R 2446	Vận chuyển	177.729.524	7	14,29%	2.115.828	2.115.828
43	Somiro móc 16R 4608	Vận chuyển	166.738.182	7	14,29%	1.984.978	1.984.978
44	Somiro móc 16R 4646	Vận chuyển	167.188.182	7	14,29%	1.990.336	1.990.336
45	Xe ô tô con 16M 1108	Quản lý DN	512.639.650	8	12,50%	5.339.996	5.339.996
46	Xe ô tô con 16H 0835	Quản lý DN	52.461.505	4	25,00%	1.092.948	1.092.948
47	Xe ô tô con 16M 9668	Quản lý DN	1.245.228.571	10	10,00%	10.376.905	10.376.905
48	Xe ô tô con 16N 2127	Quản lý DN	417.827.273	8	12,50%	4.352.367	4.352.367
	CỘNG		22.504.792.001	240		364.422.992	364.422.992

Hải Phòng ngày 31 tháng 12 năm 2010

➤ ***Kế toán chưa theo dõi chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng đối tượng***

Công ty không tiến hành mở sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp TK 642 làm cho công ty không theo dõi được cụ thể các khoản mục chi phí nằm trong TK642 như: Chi phí tiền lương nhân viên quản lý; chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác quản lý...

➤ ***Về việc lưu giữ và luân chuyển chứng từ***

Chứng từ kế toán rất quan trọng đối với công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Hiện nay do công ty mới đi vào hoạt động nên việc lưu giữ và bảo quản chứng từ vẫn chưa hợp lý, chưa có sự ký nhận giữa các bên khi bàn giao chứng từ. Điều đó có thể dẫn đến việc thất lạc chứng từ mà không tìm ra được nguyên nhân ảnh hưởng đến việc hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

➤ ***Chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Biểu số 3.2

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TÀI HP

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN NGÀY 31/12/2010

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Dư nợ cuối kỳ	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Nợ không đòi được
1	Công ty TNHH Minh Long	32.965.548				32.965.548
2	Công ty TNHH Thành Công	40.139.200			40.139.200	
3	Công ty TNHH Hà Phương	76.450.031			76.450.031	
3	Công ty Kim khí và xây dựng Thuận Thành	256.362.589	256.362.589			
4	Công ty CP thương mại Bắc Hải	152.469.852	152.469.852			
5	Công ty Thành Phát	65.623.546		65.623.546		
.....
15	Công ty CP Việt UNI	189.564.231		189.564.231		
	Tổng cộng	2.755.220.000	1.075.362.589	1.530.302.632	116.589.231	32.965.548

Dựa theo báo cáo trên thì công ty cần trích lập dự phòng năm 2010 đối với các khoản nợ sau:

- Khoản nợ công ty TNHH Thành Công theo biên bản đối chiếu công nợ có hạn thanh toán 28/12/2009 đã quá hạn thanh toán trên 1 năm

- Khoản nợ công ty TNHH Hà Phương theo biên bản đối chiếu công nợ khoản nợ có hạn thanh toán 15/03/2010 đã quá hạn thanh toán 9 tháng.

Đồng thời công ty phải xóa sổ khoản nợ sau:

- Đối với khoản nợ của công ty TNHH Minh Long phát sinh vào ngày 28/09/2009 được xác định là thu hồi được 40% số còn lại 32.965.548 đồng là không có khả năng thu hồi do công ty này đang trong tình trạng mất khả năng thanh toán.

Tuy nhiên công ty không tiến hành trích lập dự phòng cũng như không tiến hành xử lý xóa sổ. Việc không trích lập nợ phải thu khó đòi có thể dẫn đến ảnh hưởng về mặt tài chính khi trong tương lai doanh nghiệp không thu hồi được nợ.

➤ Chưa áp dụng chính sách ưu đãi đối với khách hàng

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách hàng, thu hút nhiều khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM Vận tải HP

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM Vận tải HP

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là điều

tất yếu. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lẫn lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua.

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc thống nhất
- + Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh
- + Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán

- Thực hiện đúng chế độ nhà nước ban hành
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ nhân viên kế toán hiểu biết nghiệp vụ kế toán. Đặc biệt chú ý đến công tác trang bị phương tiện kỹ thuật, áp dụng kế toán máy trong thu thập xử lý các nghiệp vụ kinh tế
- Tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp
- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM Vận tải HP

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của Công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán Công ty. Qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Bài viết xin đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao công tác quản lý chi phí tại Công ty Vận tải HP như sau:

Kiến nghị 1: Về việc tổ chức công tác kế toán

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì người kế toán phải có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Để thực hiện giải pháp trên thì công ty cần tuyển thêm nhân viên kế toán có kinh nghiệm. Kế toán trưởng phải sắp xếp bộ máy kế toán đúng người đúng việc. Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần

mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam - KTVN, FAST, SASINNOVA... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng.

Kiến nghị 2: Phân bổ lại chi phí khấu hao tài sản cố định

Để đảm bảo cho việc theo dõi và hạch toán khoản mục chi phí khấu hao tài sản cố định cho từng đối tượng. Công ty nên tiến hành phân bổ lại chi phí khấu hao tài sản cố định và tiến hành lập lại bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định cho các đối tượng sử dụng TSCĐ được hợp lý hơn. Từ đó giúp nhà quản lý theo dõi chính xác chi phí sản xuất chung, chi phí quản lý doanh nghiệp và xác định được chính xác giá thành sản xuất cũng như kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Ví dụ 3.1: Tại công ty hiện nay tài sản cố định được sử dụng cho 2 bộ phận là bộ phận quản lý doanh nghiệp và bộ phận vận chuyển hàng hóa. Nhưng công ty lại hạch toán toàn bộ chi phí khấu hao tài sản cố định thuộc bộ phận quản lý doanh nghiệp vào tài khoản chi phí sản xuất chung cùng với các tài sản thuộc bộ phận vận chuyển. Ngày 31/12 /2010 kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ dùng trong tháng 12. Dựa vào bảng tính khấu hao kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung và vào các sổ sách có liên quan

Kế toán định khoản: Nợ TK 627 : 364.422.992

Có TK 214: 364.422.992

Theo đúng quy định, thì kế toán phải định khoản như sau:

Nợ TK 642 : 21.162.216

Có TK 214: 21.162.216

Nợ TK 627 : 343.260.776

Có TK 214: 343.260.776

Biểu số 3.3

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HP
BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên TSCĐ	Bộ phận sử dụng	Nguyên giá	Năm sử dụng	Tỷ lệ khấu hao	Số khấu hao	TK627	TK642
1	Xe ô tô đầu kéo 16L 6346 mới 100%	Vận chuyển	692.768.553	8	12,50%	7.216.339	7.216.339	
2	Sơ mi rơ moóc 16R 2822 mới 100%	Vận chuyển	154.878.080	7	14,29%	1.843.787	1.843.787	
3	Sơ mi rơ moóc 16R 2827 mới 100%	Vận chuyển	157.323.315	7	14,29%	1.872.897	1.872.897	
4	Xe ô tô đầu kéo 16L 6246 mới 100%	Vận chuyển	692.462.839	8	12,50%	7.213.155	7.213.155	
.....		
42	Sơ mi rơ moóc 16R 2446	Vận chuyển	177.729.524	7	14,29%	2.115.828	2.115.828	
43	Sơ mi rơ moóc 16R 4608	Vận chuyển	166.738.182	7	14,29%	1.984.978	1.984.978	
44	Sơ mi rơ moóc 16R 4646	Vận chuyển	167.188.182	7	14,29%	1.990.336	1.990.336	
45	Xe ô tô con 16M 1108	Quản lý DN	512.639.650	8	12,50%	5.339.996		5.339.996
46	Xe ô tô con 16H 0835	Quản lý DN	52.461.505	4	25,00%	1.092.948		1.092.948
47	Xe ô tô con 16M 9668	Quản lý DN	1.245.228.571	10	10,00%	10.376.905		10.376.905
48	Xe ô tô con 16N 2127	Quản lý DN	417.827.273	8	12,50%	4.352.367		4.352.367
	CỘNG		22.504.792.001	240		364.422.992	343.260.776	21.162.216

Hải Phòng ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kiến nghị 3: Lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho từng đối tượng

Công ty cần lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh nhằm xác định rõ từng khoản mục trong chi phí quản lý doanh nghiệp. Xem xét và tìm nguyên nhân gây ra biến động lớn của các khoản mục chi phí so với cùng kì năm trước hoặc so với kì trước đó đồng thời xác định hiệu quả kinh tế mang lại do chi các khoản này để có biện pháp tiết kiệm chi phí một cách hợp lý.

Công ty nên tiến hành mở chi tiết cho tài khoản 642

- TK6421 - *Chi phí nhân viên quản lý*: Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT.

- TK6422 - *Chi phí vật liệu quản lý*: Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ...

- TK6423- *Chi phí đồ dùng văn phòng*: Phản ánh chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp

- TK6424 - *Chi phí khấu hao TSCĐ*: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp

- TK6425 - *Thuế, phí và lệ phí*: Phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như phí tiền gửi ngân hàng, phí tàu xe...

- TK6426 - *Chi phí dự phòng*: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- TK6427- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp.

- TK6428 - *Chi phí bằng tiền khác*: Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí hội nghị, chi phí tiếp khách...

Biểu số 3.4

Công ty cổ phần thương mại vận tải HP

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
Tài khoản: 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Chia ra					
SH	Ngày tháng				6421	6422	6424	6425	6427	6428
.....	
GBN 52	7/12/2010	Phí chuyển tiền	112	15.000				15.000		
PC08/12	14/12/2010	Trả tiền điện tháng 12	111	2.124.771					2.124.771	
PC 09/12	14/12/2010	Trả cước điện thoại	111	1.862.303					1.862.303	
PC21/12	22/12/2010	Chi phí tiếp khách	111							2.095.000
.....	
PKT120	31/12/2010	Tính lương tháng 12	334	85.236.965	85.236.965					
PKT121	31/12/2010	Trích BHXH tháng 12	3383	3.170.668	3.170.668					
PKT121	31/12/2010	Trích BHYT	3384	594.500	594.500					
PKT	31/12/2010	Khấu hao TSCĐ tháng 12					21.162.216			
		Cộng		471.824.656	267.006.399	40.355.843	63.486.648	30.326.952	56.289.635	77.845.827

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kiến nghị 4: Về việc luân chuyển chứng từ.

Do công ty mới đi vào hoạt động lưu giữ và luân chuyển chứng từ chưa có khoa học dễ dẫn đến hiện tượng mất mát chứng từ. Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì các bên đều phải ký nhận vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc này giúp quản lý chặt chẽ chứng từ của công ty. Đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Dưới đây, em xin mở phiếu giao nhận chứng từ.

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày.... đến ngày....

Tên chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số lượng chứng từ	Số tiền	Ký nhận
1	2	3	4	5

Kiến nghị 5: Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên BCTC của năm báo cáo.

➤ **Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi**

✓ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.

✓ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người vay nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

➤ **Phương pháp xác định**

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

➤ **Mức trích lập:** (Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên
- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng

➤ **Tài khoản sử dụng:** TK139

➤ **Phương pháp hạch toán**

✓ Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 642

Có TK 139

✓ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm trừ chi phí:

Nợ TK139

Có TK642

✓ Xóa nợ

Nợ TK 139: Nếu đã trích lập dự phòng

Nợ TK642: Nếu chưa trích lập dự phòng

Có TK 131:

Có TK138:

Đồng thời ghi Nợ TK004

✓ Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK111,112...

Có TK711

Ví dụ 3.4: Giả sử ngày 31/12/2010, kế toán tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trên Báo cáo tình hình công nợ (trang 96) như sau:

Tính số dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2010

$$\begin{aligned} \text{Số dự phòng phải thu khó đòi} &= 40.139.200 \times 50\% + 76.450.031 \times 30\% \\ &= 20.069.600 + 22.935.009 \\ &= 43.004.609 \text{ (đồng)} \end{aligned}$$

Kế toán định khoản: Nợ TK 6426 : 43.004.609

Có TK139: 43.004.609

Đối với khoản khách hàng còn nợ được xác định là không đòi được cần xử lý đưa vào chi phí như sau:

Tổng nợ không thể thu hồi năm 2010: 32.965.548 (đồng)

Kế toán định khoản: Nợ TK 642 : 32.965.548

Có TK 131: 32.965.548

Nợ TK 004 : 32.965.548

Kế toán tiến hành lập phiếu kế toán rồi vào sổ nhật ký chung và các sổ sách liên quan.

Kiến nghị 6: Áp dụng chính sách ưu đãi

Như đã trình bày rõ tác dụng của các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá. Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Công ty nên có chính sách

khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng các chính sách chiết khấu ở những khách hàng lớn, quen thuộc.

✚ **Chiết khấu thương mại:**

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng. Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại. Nhằm thúc đẩy việc cung cấp dịch vụ, thu hút thêm nhiều khách hàng. Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp

➤ ***Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại***

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào tài khoản 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 521.

➤ ***Phương pháp hạch toán:***

1. Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK5211 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 - Thanh toán ngay

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

2. Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211 - Chiết khấu thương mại

✚ Chiết khấu thanh toán:

Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với hình thức chiết khấu thanh toán. Như vậy công ty mới có khả năng thu hồi vốn nhanh, tăng được vòng quay luân chuyển vốn lưu động, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hạn chế được các khoản đi vay của công ty. Công ty cần có những biện pháp thiết thực như:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng ngành

- Công ty cũng có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

- Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp

- Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian. Sau đây là một vài mức chiết khấu để công ty tham khảo.

- Nếu khách hàng thanh toán trước từ 1 đến 15 ngày sẽ được hưởng mức chiết khấu 1,46%

- Nếu khách hàng thanh toán trước tiền từ 16 đến 30 ngày sẽ được hưởng mức chiết khấu 1,5%

- Nếu khách hàng thanh toán trước tiền từ 1 tháng trở lên đến dưới 2 tháng sẽ được hưởng mức chiết khấu 1,54%

- Nếu khách hàng thanh toán trước tiền từ 2 tháng trở lên đến dưới 3 tháng sẽ được hưởng mức chiết khấu 1,58%

➤ **Phương pháp hạch toán;**

Công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635 - Chi phí

tài chính (phản ánh khoản chi phí công ty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu do khách hàng thanh toán trước thời hạn)

Nợ 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho hàng bán

Có TK 11,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng
Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

Ví dụ 3.2: Dựa vào sổ chi tiết TK131 đối tượng công ty sản xuất cơ điện Việt- Pháp. Đối với hợp đồng vận chuyển theo hóa đơn 0055174 ngày 14/12/2010 ở ví dụ 1(trang45) tổng số tiền thanh toán là 100.980.000 đồng (bao gồm cả VAT 10%). Theo hợp đồng vận chuyển công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt Pháp có thời hạn thanh toán là 3 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vận chuyển. Công ty sản xuất cơ điện Việt- Pháp đã thanh toán vào ngày 21/12/2010 số tiền 100.980.000 đồng. Như vậy số tiền chiết khấu thanh toán mà công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt-Pháp được hưởng là:

$$\text{Số tiền CK} = 1.58\% \times 100.980.000 = 1.595.484 \text{ (đồng)}$$

Kế toán định khoản: Nợ TK 635 : 1.595.484

Có TK131 : 1.595.484

Cuối kỳ kế toán kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911 : 1.595.484

Có TK 635: 1.595.484

Biểu số 2.5

Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP

Sổ chi tiết thanh toán với người mua người bán

TK:131

Đối tượng: Công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt - Pháp

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu quý				-	-
2136	4/10/2010	Vận chuyển thép	511	56.500.000		56.500.000	
2136	4/10/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331	5.650.000		62.150.000	
.....	
55174	14/12/2010	Vận chuyển thép	511	91.800.000		91.800.000	
55174	14/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331	9.180.000		100.980.000	
55275	21/12/2010	Vận chuyển thép	511	39.600.000		140.580.000	
55275	21/12/2010	Thuế GTGT đầu ra	3331	3.960.000		144.540.000	
BC 170	21/12/2010	Trả tiền theo hóa đơn 55174	112		100.980.000	43.560.000	
BC171	21/12/2010	Trả tiền theo hóa đơn 55275	112		43.560.000	-	
.....
		Cộng số phát sinh		525.600.000	233.850.000		
		Số dư cuối kỳ				291.750.000	-

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Khoá luận: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM Vận tải HP” đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận: Nêu được những vấn đề nhận thức về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, về kế toán doanh thu, kế toán chi phí sản xuất, chi phí quản lý, chi phí hàng bán ra và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: Đã phản ánh được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí sản xuất, chi phí bán hàng và chi phí quản lý, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty CPTM Vận tải HP năm 2010 để chứng minh cho khóa luận.

- Đối chiếu những vấn đề lý luận trong nghiên cứu với thực tế, hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của Công ty CPTM Vận tải HP: khóa luận đã đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh ở Công ty. Những kiến nghị này tuy còn mang màu sắc lý thuyết song phần nào cũng có cơ sở và xuất phát từ thực tế nên cũng mang tính khả thi. Đó cũng là đóng góp nhỏ bé vào công tác hạch toán kế toán hiện nay.

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế, khoá luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các cô, chú cán bộ Công ty CPTM Vận tải HP, của các thầy cô và thầy giáo hướng dẫn.

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc công ty CPTM Vận tải HP, các cô chú, các anh chị trong phòng Tài chính kế toán của Công ty và cô giáo hướng dẫn Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo đã giúp em hoàn thành bài khoá luận này.

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm.....

Sinh viên

Mai Thùy Linh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 2- Chế độ kế toán doanh nghiệp - Bộ tài chính
 - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
 - Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán
- 3- Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 4- Khoá luận của các anh chị khoá trên trường ĐHDL Hải Phòng.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	7
1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	7
1.1.1 Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	7
1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	8
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	9
1.1.4. Một số khái niệm thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	9
<i>1.1.4.1. Doanh thu và các loại doanh thu.....</i>	<i>9</i>
<i>1.1.4.2. Chi phí và các loại chi phí.....</i>	<i>11</i>
<i>1.1.4.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....</i>	<i>11</i>
1.1.5. Bán hàng và các phương pháp bán hàng trong doanh nghiệp	12
1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	13
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.	13
<i>1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng.....</i>	<i>13</i>
<i>1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....</i>	<i>18</i>
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	19
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng & chi phí quản lý doanh nghiệp.....	23
<i>1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng</i>	<i>23</i>

1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	24
1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	27
1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	27
1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	27
1.2.5. Kế toán thu nhập, chi phí khác.....	30
1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác.....	30
1.2.5.2. Kế toán chi phí khác.....	32
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	34
1.2.6.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh.....	34
1.2.6.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	35
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	37
CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HP	40
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải HP.....	40
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	40
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải HP ...	41
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải HP ...	42
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	42
2.1.3.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản kế toán.....	44
2.1.3.3. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty.....	44
2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty	44
2.1.3.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán	45
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	46
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP.....	46
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần Thương mại Vận tải HP.....	56

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	62
2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng	62
2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	68
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP	73
2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	73
2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	73
2.2.4.3. Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	74
2.2.5. Kế toán hoạt động khác tại Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP	80
2.2.5.1. Kế toán thu nhập khác	80
2.2.5.2. Kế toán chi phí khác	80
2.2.5.3. Phương pháp hạch toán thu nhập, chi phí khác	81
2.2.6. Xác định kết quả kinh doanh	87
CHƯƠNG III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HP	95
3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải HP	95
3.1.1. Ưu điểm	95
3.1.2. Hạn chế	97
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM Vận tải HP	101
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM Vận tải HP	101
3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán...	102
3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM Vận tải HP	103
TÀI LIỆU THAM KHẢO	116